BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp

Hà Nội, tháng 7 năm 2025

MỤC LỤC

STT	VĂN BẢN	TRANG
1	*Nghị định số 143/2025/NĐ-CP* ngày 12/06/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	1
2	*Nghị định số 142/2025/NĐ-CP* ngày 12/06/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	37
3	*Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT* ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non	283
4	*Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT* ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông	288
5	*Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT* ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên	307
6	*Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT* ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	313
7	*Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT* ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục	320

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 143 /2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về giáo dục và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 4. Phân quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù theo quy định tại Điều 1 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Phân cấp cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị

1. Thẩm quyền cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị quy định tại Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị theo quy định tại Điều 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Phân cấp chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị

1. Thẩm quyền chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Phân cấp phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

1. Thẩm quyền phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo quy định tại Điều 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Phân cấp việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1. Thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam quy định

tại Điều 57 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Phân cấp việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

1. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 10. Phân cấp việc đánh giá việc đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số

1. Thẩm quyền đánh giá việc đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số quy định tại Điều 4 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học theo quy định tại Điều 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ

tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cung cấp thông tin về hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính do Bộ thực hiện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 để bảo đảm thực hiện thông suốt việc giải quyết các thủ tục hành chính khi phân quyền, phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Đối với các hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 4 Nghị định này đã nộp hồ sơ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 5, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này đã nộp hồ sơ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

4. Đối với các hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 6 Nghị định này đã nộp hồ sơ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

5. Đối với các hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 9 Nghị định này đã nộp hồ sơ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

6. Đối với các hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 10 Nghị định này đã nộp hồ sơ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 82/2010/NĐ-CP.

7. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).98

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục I
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị định số 143 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Điều 1. Thủ tục công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê.

b) Biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của tỉnh đối với xã trên địa bàn tỉnh.

c) Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh.

2. Thời điểm báo cáo số liệu thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hằng năm của tỉnh là ngày 10 tháng 10.

3. Trình tự thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc tự kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định hiện hành trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

b) Trong trường hợp đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 hoặc mức độ 2 hoặc xóa mù chữ mức độ 1 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố việc đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và gửi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi.

c) Trong trường hợp đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế kết quả thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Trong trường hợp đủ tiêu chuẩn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Trong trường hợp chưa đạt, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

Điều 2. Thủ tục cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập

1. Hồ sơ thành lập cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó xác định rõ: Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành. Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản thuê đất hoặc văn bản thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất, thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu của địa phương thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;

d) Văn bản chứng minh năng lực tài chính.

2. Trình tự thực hiện:

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ; nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và

Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động gồm:

a) Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục;

b) Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

4. Thủ tục thực hiện:

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ; nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

5. Trường hợp cơ sở giáo dục vi phạm một trong các nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP), Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra các nội dung vi phạm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

6. Quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục phải ghi rõ lý do giải thể, chấm dứt hoạt động, các biện pháp bảo đảm quyền hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên và phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 3. Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hồ sơ chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông

do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang hoạt động không vì lợi nhuận bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi sang hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của cơ sở giáo dục, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;

e) Quyết định thành lập, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Quy trình xử lý

a) Cơ sở giáo dục gửi 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định; nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; nếu chưa đủ điều kiện

thì thông báo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 4. Thủ tục phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

1. Hồ sơ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa cơ sở tổ chức thi tại Việt Nam và cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ nước ngoài;

c) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của các bên liên kết;

d) Đề án tổ chức thi để cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó có thông tin về giá trị và phạm vi sử dụng của chứng chỉ ngoại ngữ nước ngoài, minh chứng về bảo đảm chất lượng của việc tổ chức thi, địa điểm tổ chức thi, cách thức tổ chức, trách nhiệm của các bên, lệ phí thi và các loại phí, cơ chế thu chi và quản lý tài chính, quyền hạn và trách nhiệm người tham dự thi và các nội dung liên quan khác.

3. Thủ tục phê duyệt:

a) Các bên liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc thư điện tử cho các bên đề nghị liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định; nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến cho các bên liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 5. Thủ tục cấp, gia hạn, chấm dứt hoạt động, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ sau: Văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài; Điều lệ hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài; Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; Báo cáo tóm tắt sự hình thành và phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

d) Văn bản giới thiệu nhân sự làm trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và lý lịch cá nhân của người được giới thiệu.

2. Văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Thủ tục cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam:

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định; nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập văn

phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

b) Báo cáo chi tiết hoạt động của văn phòng đại diện.

5. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

a) Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động;

b) Phương án chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

6. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định; nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo Mẫu số 07 hoặc Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 6. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, trong đó nêu lý do, sự cần thiết thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam; tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài; dự kiến nhân sự giữ chức trưởng văn phòng

đại diện tại Việt Nam theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

d) Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

đ) Lý lịch cá nhân của người dự kiến giữ chức trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam có xác nhận của người đứng đầu tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài ở nước ngoài hoặc của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

e) Các văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Trình tự cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam:

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam gửi văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở

Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Thủ tục chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 49 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

b) Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện phải hoàn thành mọi thủ tục liên quan đến người lao động; các khoản nợ, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội; thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có); hoàn trả giấy phép thành lập văn phòng đại diện, nộp lại con dấu và gửi báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đánh giá việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học

1. Trên cơ sở nguyện vọng của người dân tộc thiểu số, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, lập báo cáo về việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật. Nếu đủ điều kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn. Trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo cho Sở Giáo dục và Đào tạo và nêu rõ lý do.

Phụ lục II

MẪU VĂN BẢN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

(Kèm theo Nghị định số 143 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 1.	Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập
Mẫu số 2.	Đề án thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập
Mẫu số 3.	Đơn đề nghị phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
Mẫu số 4.	Đề án tổ chức thi để cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
Mẫu số 5.	Đơn đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 6.	Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 7.	Quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 8.	Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 9.	Văn bản của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam
Mẫu số 10.	Quyết định thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 11.	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện
Mẫu số 12.	Quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu số 1. Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị

Kính gửi:.....(1).....

Tên nhà đầu tư:.....(2).....

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp số:... do... cấp ngày... tháng... năm.... (nếu có)

Xin phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với các nội dung chính như sau:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên bằng tiếng nước ngoài:.....

Tên viết tắt *(nếu có)*:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Tổng vốn đầu tư:.....(3).....

4. Diện tích đất sử dụng:..... Diện tích xây dựng:.....

Cơ sở vật chất (xây dựng hoặc thuê):.....

5. Phạm vi hoạt động:.....(4).....

6. Dự kiến quy mô và đối tượng tuyển sinh trong 05 năm đầu hoạt động:..... .....

.....

.....

7. Văn bằng, chứng chỉ dự kiến cấp:.....

8. Thời hạn hoạt động:.....

Chúng tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Kính đề nghị:.....(1)..... xem xét, quyết định.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cấp có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(2) Ghi bằng chữ in hoa.

(3) Ghi rõ phần vốn góp và vốn vay.

(4) Ghi rõ phạm vi hoạt động tương ứng với loại hình cơ sở giáo dục xin phép thành lập.

Mẫu số 2. Đề án thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị cho phép thành lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

(Hoặc Quốc hiệu và tên của cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đề nghị thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài)

ĐỀ ÁN
Thành lập ..... (tên cơ sở giáo dục)

I. MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề.

2. Cơ sở pháp lý.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP

1. Sự cần thiết thành lập.

2. Mục tiêu đầu tư.

3. Tác động xã hội đối với địa phương, khu vực.

4. Giới thiệu khái quát về chủ đầu tư.

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC (tên cơ sở giáo dục)

1. Tên cơ sở giáo dục bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

2. Địa chỉ.

3. Địa điểm xây dựng/thuê.

4. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.

5. Ngành nghề, quy mô.

6. Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận dự kiến sẽ cấp, tính tương đương với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

IV. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY

1. Hội đồng trường/thành viên/quản trị

2. Ban giám đốc/giám hiệu.

3. Các khoa/bộ môn/bộ phận chuyên môn.

4. Các phòng ban chức năng.

5. Các tổ chức chính trị, xã hội.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP

1. Vốn đầu tư.

2. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư xây dựng/thuê.

3. Chương trình giáo dục.

4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

5. Giáo trình, học liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác.

VI. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Kế hoạch xây dựng/thuê cơ sở vật chất (quy mô, diện tích, hạng mục, phương án kỹ thuật, công nghệ, các bước triển khai thực hiện).

2. Kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên/giảng viên.

3. Nguồn tài chính thực hiện.

VII. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

1. Cơ sở pháp lý.

2. Hệ thống các giải pháp (tổ chức, hành chính, giảng dạy, đào tạo, người học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, bảo đảm chất lượng...)

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ XÃ HỘI

1. Đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ tiêu về tài chính, đầu tư.

2. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội.

IX. ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA (tên cơ sở) VỚI CÁC CƠ SỞ KHÁC

X. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

XI. PHỤ LỤC

Mẫu số 3. Đơn đề nghị phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ với nước ngoài tiếng.....(1).....

Kính gửi:.... (2)....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam ..... (3).....

- Trụ sở:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Website:.....
- Quyết định thành lập: .....(4).....

Bên nước ngoài: .....(5).....

- Trụ sở:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Website:.....
- Giấy phép thành lập: .....(6).....

Đề nghị.....(2)..... xem xét, phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng.....(1)..... giữa..... (3)..... và.....(5)..... với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết: (Ghi tóm tắt ngoại ngữ dự định liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, quy mô tổ chức thi hàng năm và loại chứng chỉ sẽ cấp theo liên kết).

2. Thời hạn hoạt động của liên kết:.....

3. Nội dung liên kết (ghi tóm tắt):.....

.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

BÊN VIỆT NAM	**BÊN NƯỚC NGOÀI**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Ngoại ngữ đề nghị liên kết cấp chứng chỉ.

(2) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ.

(3) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam.

(4) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

(5) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài.

(6) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

Mẫu số 4. Đề án tổ chức thi để cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ ÁN
Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
(Mẫu gồm các nội dung chính, dùng để các bên liên kết tham khảo)

I. SỰ CẦN THIẾT

Mô tả sự cần thiết thực hiện liên kết tổ chức thi để cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

II. GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN KẾT

1. Giới thiệu các bên liên kết.

2. Quá trình hợp tác giữa các bên.

III. NỘI DUNG LIÊN KẾT

1. Mục tiêu.

2. Thông tin về giá trị và phạm vi sử dụng của chứng chỉ ngoại ngữ nước ngoài.

3. Minh chứng về bảo đảm chất lượng của việc tổ chức thi, trách nhiệm của các bên.

4. Quyền hạn và trách nhiệm người tham dự thi.

5. Mẫu chứng chỉ ngoại ngữ dự kiến sẽ cấp.

6. Các nội dung liên quan khác.

7. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện.

8. Cơ sở vật chất, thiết bị sẽ sử dụng cho liên kết cấp chứng chỉ ngoại ngữ, địa điểm thực hiện liên kết cấp chứng chỉ ngoại ngữ.

9. Đội ngũ cán bộ quản lý, chấm thi, hỗ trợ, kỹ thuật viên (danh sách trích ngang, lý lịch và các minh chứng về trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng ngoại ngữ đính kèm thành phụ lục).

IV. TÀI CHÍNH

1. Lệ phí thi và các loại phí.

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.

3. Cơ chế thu chi và quản lý tài chính.

V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.

2. Biện pháp quản lý rủi ro, bảo đảm quyền và lợi ích của người dự thi.

VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN KẾT

1. Cơ cấu tổ chức quản lý liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, người đại diện các bên liên kết tham gia quản lý (kèm theo lý lịch cá nhân kèm trong Phụ lục).

2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Đội ngũ cán bộ quản lý, chấm thi, hỗ trợ, kỹ thuật viên.

Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 5. Đơn đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

.....(1).....	**(QUỐC HIỆU/BIỂU TƯỢNG CỦA... (1)...** nếu có)
Số.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài
.....(1).....

Kính gửi: .....

Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài:.....(2).....

Được thành lập theo:.....(3).....

Có trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:……..

E-mail:..... Website:.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

.....

.....

Xin phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục tại Việt Nam với nội dung sau:

1. Tên Văn phòng đại diện:

Tên tiếng Việt:.....(4)……..……

Tên tiếng nước ngoài:……..……..

Tên viết tắt (nếu có):……..……

2. Địa chỉ đặt trụ sở Văn phòng đại diện: ……

……...

3. Trưởng Văn phòng đại diện:

Họ và tên:.....(5)..... Giới tính (Nam, nữ): ……

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Quốc tịch: ….....……..

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:.....(6)…….……..

……..

Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số: .....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại: .....

4. Nội dung hoạt động:.....

.....

.....

5. Thời hạn hoạt động:.....

.....

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn xin phép và Hồ sơ gửi kèm;

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện giáo dục của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và các nội dung quy định trong Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

.....

.....

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

(2) Ghi tên bằng chữ in hoa.

(3) Ghi rõ giấy tờ pháp lý xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, thời điểm và cơ quan ban hành.

(4) Ghi tên bằng chữ in hoa.

(5) Ghi tên bằng chữ in hoa.

(6) Ghi rõ địa chỉ thường trú tại Việt Nam hoặc sẽ đến thường trú tại Việt Nam.

Mẫu số 6. Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../QĐ-……..	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của ...(1)... tại Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN …..

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của.....(1)..... xin phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép:..... (1)..... có địa chỉ trụ sở chính tại.....(2)....., được phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Địa điểm trụ sở Văn phòng đại diện:.....

Trưởng Văn phòng đại diện:.....

Họ và tên:…….(3)…… Giới tính (nam, nữ):.....

Sinh ngày ..... tháng..... năm ..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:.....

Hộ chiếu/căn cước công dân số:..... do ……cấp ngày... tháng... năm... tại.....

Tổng số người dự kiến làm việc tại Văn phòng đại diện:.... người.

Điều 2. Nội dung hoạt động:……

……...

Điều 3. Văn phòng đại diện của.....(1)..... tại Việt Nam có tài khoản, con dấu riêng, có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Việt Nam.

Điều 4. Thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện.....(1)..... là...(4).... năm kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 5. Cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT,..

CHỦ TỊCH
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài xin phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

(2) Địa chỉ đầy đủ của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài xin phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

(3) Ghi bằng chữ in hoa.

(4) Thời hạn theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

(5) Tên tỉnh/thành phố nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Mẫu số 7. Quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung/gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của....(1)..... tại Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ.....(2).....;
Căn cứ.....(3).....;
Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép sửa đổi, bổ sung/gia hạn Quyết định số.....(4).... về việc cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của.....(1)..... tại Việt Nam như sau:

.....(5).....

Điều.....(6).....

Điều. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

.....(7)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**CHỦ TỊCH**
- Như Điều n;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*
- ...(8).....;	
- .....;	
- Lưu: VT,..	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

(2) Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định.

(3) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

(4) Số Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

(5) Các nội dung sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hoạt động của Văn phòng đại diện và gia hạn thời hạn hoạt động.

(6) Các nội dung trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp của Văn phòng đại diện và các bên liên quan khác (nếu có).

(7) Cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

(8) Tên chức danh/cơ quan/đơn vị nhận được Quyết định.

Mẫu số 8. Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của.....(1)..... tại Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN .....

Căn cứ.....(2)……;
Căn cứ.....(3).....;
Theo đề nghị của.....(4)……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của.....(1)..... tại Việt Nam theo Quyết định số...(5).....
.....

Điều... .....(6).....
.....

Điều n.....(7).....
.....(8)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**CHỦ TỊCH**
- Như Điều n;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*
- .....(9).....;	
- .....;	
- Lưu: VT,.....	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

(2) Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định.

(3) Hồ sơ đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

(4) Thủ trưởng đơn vị soạn thảo, trình Quyết định.

(5) Số, ký hiệu, trích yếu Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

(6) Các nội dung liên quan về trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài và các bên liên quan sau khi chấm dứt hoạt động.

(7) Hiệu lực của Quyết định.

(8) Cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

(9) Tên chức danh/cơ quan/đơn vị nhận được Quyết định.

Mẫu số 9. Văn bản của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

.....(2).....	**(QUỐC HIỆU/BIỂU TƯỢNG CỦA... (2)...** nếu có)
Số.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện... (2) ... tại Việt Nam

Kính gửi: ……..

1. Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa tiếng Việt, tiếng Anh và bằng tiếng nước sở tại):.....(3).....

2. Giấy chứng nhận hoặc quyết định thành lập số..... do..... cấp ngày.....

3. Địa chỉ trụ sở chính (ở nước ngoài nơi có tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài làm đơn xin phép):.....

Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....

4. Lĩnh vực đang hoạt động hợp pháp của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài:…….

5. Tóm tắt quá trình phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài:……

6. Nguồn và khả năng tài chính:……...

Đề nghị cho phép lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung sau:

a) Tên Văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ dự kiến đặt Văn phòng đại diện:.....

- Điện thoại:..... Fax..... E-mail..... Website:.....

- Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

- Nội dung, phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

- Lý do thành lập Văn phòng đại diện ở Việt Nam:.....

b) Chức năng, nhiệm vụ chính của văn phòng đại diện tại Việt Nam

c) Số người dự kiến làm việc tại Văn phòng đại diện là... người

- Số người từ nước ngoài vào là..... người

- Số người tuyển dụng tại Việt Nam là..... người

d) Họ tên người đứng đầu Văn phòng đại diện:.....

- Ngày sinh...../...../..... Dân tộc..... Quốc tịch.....

- Hộ chiếu (Chứng minh nhân dân), số..... Ngày cấp..../.../.....

Nơi cấp..... Thời hạn sử dụng:.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước sở tại và địa chỉ nơi làm việc:.....

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam:.....

- Thẻ thường trú (thẻ tạm trú, chứng nhận tạm trú) do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp số: Ngày cấp..... Nơi cấp..... Thời hạn:.....

.....(4).....cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật. Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước Việt Nam về các hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, Văn phòng đại diện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước Việt Nam; không làm bất cứ việc gì dẫn đến vi phạm pháp luật và quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.....

Kèm theo:
-
-
-

.... ngày.... tháng.... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

---

(1): Địa danh.

(2), (3), (4): Ghi cụ thể tên tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.

Mẫu số 10. Quyết định thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-……..	...(1)..., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Cho phép thành lập Văn phòng đại diện
của ...(1)... tại Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN .....

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của.....(2)..... xin phép thành lập Văn phòng đại diện của ... (2) ... tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép:..... (2)..... có địa chỉ trụ sở chính tại.....(2)....., được phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế:..... .

Thuộc:.....

Địa điểm trụ sở:.....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail:..... …….

Quyết định thành lập số:..... ……

Ngày, tháng, năm cấp:.....

Được phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam:……

Địa điểm Văn phòng đại diện:.....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail:.....Website.....

Họ và tên người đứng đầu Văn phòng đại diện:..... …

- Sinh ngày...../...../..... Dân tộc..... Quốc tịch.....

- Hộ chiếu/Căn cước công dân, số……..... Ngày cấp..../..../.....

Nơi cấp..... Thời hạn sử dụng:.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước sở tại và địa chỉ nơi làm việc: .....

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam:.....

- Thẻ thường trú (thẻ tạm trú, chứng nhận tạm trú) do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp số: Ngày cấp..... Nơi cấp..... Thời hạn:.....

Điều 2. Văn phòng đại diện.....(2)..... hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện ….. (2) ….. là … năm kể từ ngày …….

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT,..

CHỦ TỊCH
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký tên, đóng dấu)

---

(1): Địa danh.

(2) : Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập văn phòng đại diện.

Mẫu số 11. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....-.....	
V/v đề nghị.....(2).....	*....., ngày... tháng... năm .....*

Kính gửi: ……..

1. Thông tin về tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

.....

.....

2. Thông tin về văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

- Tên văn phòng đại diện:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Địa điểm văn phòng đại diện:..... (3).....

- Giấy phép thành lập văn phòng đại diện: [Giấy phép số..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của giấy phép].

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

.....

.....

4. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

.....

(Hồ sơ kèm theo)

Đề nghị ……xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	(4)
-	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-	

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

(2) Ghi lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

(3) Ghi địa chỉ.

(4) Chức danh người đứng đầu tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Mẫu số 12. Quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-……..	...(1)..., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện ...(2) ... tại Việt Nam
Số.....(3)...../GPVPĐD
……

Căn cứ ..... *(4)*..... ;
Căn cứ..... *(5)*..... ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép ……..về việc thành lập Văn phòng đại diện (6) tại Việt Nam tại Quyết định ……, như sau:
..... (7).....

Điều... .....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (8)
- Như Điều...;	*(Chữ ký, dấu)*
-.....;	
- Lưu: VT,.... (9) A.xx (10)	**Họ và tên**

_____

(1) Địa danh.
(2), (6) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.
(3) Số văn bản.
(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định.
(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(7) Nội dung quyết định: sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.
(8) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(9) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(10) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 142 /2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Phân định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã được phân định theo quy định của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương.

3. Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

4. Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của cơ quan, xã hội, người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

6. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Chương II
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 4. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập, dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường mầm non)

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Thành lập, cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập công lập, dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập)

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Chuyển đổi trường mầm non tư thục sang trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chuyển đổi trường mầm non tư thục sang trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Xét duyệt, thẩm định hồ sơ thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non

1. Thẩm quyền xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách trẻ em mầm non được hưởng chính sách quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách giáo viên mầm non được hưởng chính sách quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Chương III
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường tiểu học công lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường tiểu học)

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường tiểu học quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường tiểu học theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Cho phép, đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

1. Thẩm quyền cho phép, đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép, đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 10. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở

Thẩm quyền cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 34 và khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 12. Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Chương IV
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 13. Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập, tư thục theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 14. Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm học tập cộng đồng công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm học tập cộng đồng theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 46 và khoản 2 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 16. Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập quy định tại khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục quy định tại khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Nội dung kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bao gồm:

a) Hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bao gồm: Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; sổ theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (đối với phổ cập giáo dục tiểu học); danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở); danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (đối với xóa mù chữ);

b) Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn bao gồm: Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê; biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của tỉnh đối với xã.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

5. Thời gian kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

6. Trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ quy định tại Điều 38 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Chương V
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

Điều 18. Thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú

1. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại khoản 1 Điều 54, điểm b khoản 2 Điều 57 và điểm b khoản 3 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 56 và điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 56 và điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Điều 40, Điều 41 và Điều 42 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú

1. Thẩm quyền thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú quy định tại khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 61, điểm b khoản 1 Điều 62, điểm b khoản 2 Điều 62 và điểm b khoản 3 Điều 62 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú theo quy định tại Điều 43, Điều 44 và Điều 45 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 20. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên công lập, tư thục

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên quy định tại khoản 1 Điều 71 và khoản 2 Điều 74 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường trung học phổ thông chuyên quy định tại khoản 1 Điều 73 và khoản 1 Điều 74 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên theo quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 21. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 76, điểm b khoản 2 Điều 79 và điểm b khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương quy định tại khoản 1 Điều 78 và điểm b khoản 1 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 49, Điều 50 và Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 22. Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường, lớp dành cho người khuyết tật

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường dành cho người khuyết tật và thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 84, điểm b khoản 3 Điều 84 và khoản 2 Điều 85 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường dành cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều 83 và điểm b khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường, lớp dành cho người khuyết tật theo quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54 và Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Chương VI
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 23. Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp

1. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 ngày 10 tháng 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo quy định tại Điều 56 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 24. Sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp

1. Thẩm quyền sáp nhập, chia, tách, giải thể hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể và đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10, điểm d khoản 4 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 7, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp quy định tại Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, giải thể hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59 và Điều 60 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 25. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 26. Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp theo quy định tại Điều 63 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 27. Cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Thẩm quyền cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài và đăng ký hoạt động, thời hạn hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 28. Cho phép chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Thẩm quyền cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18, Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 68 và Điều 69 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 29. Cấp giấy chứng nhận, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 26 và Điều 26a Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 72 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 31. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 7 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân dân cấp tỉnh thực hiện.

Điều 32. Giải quyết về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp

Điều 32. Giải quyết về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp

Thẩm quyền chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập thuộc diện được hưởng chính sách nội trú quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Chương VII
PHÂN ĐỊNH MỘT SỐ THẨM QUYỀN KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Điều 33. Ban hành kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch hàng năm trên cơ sở tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo theo kết quả báo cáo, đề xuất nâng trình độ chuẩn được đào tạo của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 34. Giải quyết về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

1. Thẩm quyền xây dựng chỉ tiêu cử tuyển của Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 35. Giải quyết về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học trong các cơ sở giáo dục

1. Thẩm quyền chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021

của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a, c khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 23 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Thẩm quyền xét, thẩm định, phê duyệt danh sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Thẩm quyền chi trả học bổng chính sách đối với học viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục quy định tại điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định 84/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

6. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải quyết chế độ học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

Điều 36. Giải quyết về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách

1. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp kinh phí và hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc nội trú của các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, học sinh và hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (không bao gồm hỗ trợ gạo) quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 37. Thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10, Phụ lục I Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" theo quy định tại Chương IV Nghị định số 35/2024/NĐ-CP.

Chương VIII
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Điều 38. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách địa phương để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc sử dụng, bố trí đủ quỹ đất dành cho các cơ sở giáo dục theo chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục tại địa phương.

3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc bố trí đủ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tại địa phương theo quy định; quản lý, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành nhằm đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;

d) Thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh.

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

5. Về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

Tham mưu trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; ban hành chính sách để phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

6. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ.

Điều 39. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tỉnh, trường đại học công lập trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định.

4. Về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

a) Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Chỉ đạo và tổ chức giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Thực hiện trách nhiệm quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính về giáo dục theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

đ) Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ lãnh đạo, quản lý, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Chỉ đạo và kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương.

5. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

6. Chỉ đạo, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương theo chiến lược, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 40. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

4. Về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí việc làm, biên chế công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật; Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí việc làm, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập;

b) Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường cán bộ quản lý giáo dục trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định.

5. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và toàn xã hội;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

g) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

h) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

i) Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

k) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

l) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

m) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

n) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 41. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn xã, phường, đặc khu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

a) Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn thuộc cấp quản lý; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương khi được phê duyệt; xây dựng kế hoạch triển khai chương trình, dự án phát triển giáo dục trên địa bàn khi được phê duyệt;

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; triển khai kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách và các nội dung khác về giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tham mưu và trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục của tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn trong phạm vi được phân quyền quản lý;

b) Quyết định đầu tư hoặc tham gia đầu tư xây dựng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng theo quy định; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng trường chuẩn quốc gia, kế hoạch sử dụng đất dành cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

c) Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao trên địa bàn theo quy định của pháp luật; bảo đảm đủ các điều kiện về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất và quỹ đất theo quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của cấp có thẩm quyền; tăng cường chính sách xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục trên địa bàn.

3. Quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; trình cấp có thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc uỷ quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

4. Về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

a) Quản lý về tổ chức, nhân sự của trung tâm học tập cộng đồng (chỉ đạo thực hiện việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định);

b) Đề xuất nhu cầu đội ngũ nhà giáo trong phạm vi quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn thực hiện công tác sử dụng, quản lý, thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

Điều 42. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, tổ chức lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xoá mù chữ và củng cố chất lượng phổ cập giáo dục; phối hợp triển khai chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông, cao nhất là cấp trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; huy động tối đa người trong độ tuổi đi học để bảo đảm phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, tạo điều kiện cho mọi người được học tập suốt đời.

3. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh đầu cấp thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai công tác đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định; tiếp nhận hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để thẩm định trước khi gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo; tham mưu cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương;

d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn quản lý;

đ) Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội;

e) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan quản lý việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn;

g) Thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

4. Kiểm tra trong lĩnh vực giáo dục

a) Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Chỉ đạo, thực hiện giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các sơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

6. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ đang được cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý và đã thực hiện một phần nhưng chưa hoàn thành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả đã thực hiện cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân định thẩm quyền để tiếp tục thực hiện, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

2. Văn bản, giấy chứng nhận đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại văn bản, giấy chứng nhận bởi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết.

3. Cơ quan, người được phân định thẩm quyền, khi tiếp nhận thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát các nhiệm vụ được phân định thẩm quyền quy định tại Nghị định này để chỉnh sửa, bổ sung và công bố Quyết định danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính sau phân định thẩm quyền được thông suốt, không bị gián đoạn;

b) Kế thừa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các bước thực hiện và kết quả giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền đã thực hiện trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp; không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi phân định thẩm quyền;

4. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ được phân định thẩm quyền theo Nghị định này.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).98

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Điều 1. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non

1. Điều kiện thành lập trường mầm non công lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non dân lập, tư thục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân (nếu đề nghị cho phép thành lập trường mầm non dân lập, tư thục) gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non có hiệu lực, nếu trường mầm non không được cho phép hoạt động giáo dục thì Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.

5. Trường hợp trường mầm non chuyển địa điểm hoạt động giáo dục thì phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường mầm non, cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục quy định

tại Điều 1 và Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Trong đề án (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này), trường mầm non phải cam kết kế thừa các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của trường mầm non đề nghị chuyển địa điểm.

Điều 2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường mầm non với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Đối với trường mầm non tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và trẻ em; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường mầm non gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho trường mầm non trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ; hoặc thông báo kế hoạch thẩm định thực tế tại trường mầm non trong trường hợp hồ sơ hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định thực tế các điều kiện để trường mầm non được hoạt động giáo dục theo quy định; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường mầm non và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục trường mầm non

1. Các trường hợp đình chỉ hoạt động giáo dục của trường mầm non thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trường mầm non vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp ra quyết định tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trường mầm non về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho trường mầm non về hành vi vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường mầm non (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trường mầm non thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường mầm non, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc khắc phục và xem xét, quyết định cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục trở lại khi đảm bảo điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường mầm non, nếu đáp ứng quy định tại Điều 5 Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thì quyết định cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trường mầm non

1. Trường mầm non được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường mầm non (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trường mầm non (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường mầm non tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho trường mầm non trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế (nếu cần thiết) các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường mầm non; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sáp nhập, chia, tách trường mầm non và cho phép hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường mầm non (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trường mầm non

1. Trường mầm non bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ:

a) Trường mầm non bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể trường mầm non (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Minh chứng về việc trường mầm non vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

b) Trường mầm non giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường mầm non (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trường mầm non (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường mầm non bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Trong trường hợp phát hiện hoặc có báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc trường mầm non có hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong thời hạn 25 ngày làm việc, tiến hành kiểm tra xác minh, lập hồ sơ giải thể, thông báo cho trường mầm non và quyết định việc giải thể trường mầm non nếu đúng trường hợp theo quy định.

b) Trường mầm non giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc giải thể trường mầm non; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

c) Quyết định giải thể trường mầm non (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Điều kiện thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ:

a) Thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị kiểm tra thực tế các điều kiện thành lập;

b) Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục (theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm cơ sở giáo dục mầm non độc lập; văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm thành lập.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra thực tế các điều kiện thành lập và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập khi đủ điều kiện theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện phải thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Các trường hợp đình chỉ hoạt động cơ sở giáo dục mầm non độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Trình tự thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của cơ sở giáo dục mầm non độc lập, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập về hành vi vi phạm;

b) Căn cứ biên bản kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì cơ sở giáo dục mầm non độc lập thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở giáo dục mầm non độc lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát điều kiện thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập, nếu đáp ứng quy định tại Điều 10 Nghị định này thì quyết định cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Hồ sơ:

a) Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị kiểm tra thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách;

b) Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên hoặc người chăm sóc trẻ em; phương án xử lý tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục.

2. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho trường mầm non trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế (nếu cần thiết) các điều kiện sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sáp nhập, chia, tách trường mầm non và cho phép hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Cơ sở giáo dục mầm non độc lập bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Hồ sơ:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Minh chứng về việc cơ sở giáo dục mầm non độc lập vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

b) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

4. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Khi phát hiện cơ sở giáo dục mầm non độc lập có hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, lập biên bản và hồ sơ giải thể trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập hồ sơ giải thể, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

b) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị giải thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định việc giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

c) Quyết định giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 10. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hồ sơ chuyển đổi bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục (nếu có);

b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo

đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;

e) Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển đổi như sau:

a) Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến kèm theo bản mềm đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; Sở Giáo dục và Đào tạo đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

Quyết định chuyển đổi được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định chuyển đổi.

c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản thông báo cho nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và nêu rõ lý do.

Điều 11. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học

1. Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học có hiệu lực, nếu trường tiểu học không được cho phép hoạt động giáo dục thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

5. Trường hợp trường tiểu học chuyển địa điểm hoạt động giáo dục thì phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học, cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Nghị định này. Trong đề án (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này), trường tiểu học phải cam kết kế thừa các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của trường tiểu học đề nghị chuyển địa điểm.

Điều 12. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục

1. Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường tiểu học với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Đối với trường tiểu học tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường tiểu học gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho trường tiểu học trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định thực tế các điều kiện để trường tiểu học được hoạt động giáo dục; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường tiểu học và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục trường tiểu học

1. Trường tiểu học bị đình chỉ hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trường tiểu học vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường tiểu học, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trường tiểu học về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho trường tiểu học về hành vi vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trường tiểu học thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường tiểu học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường tiểu học, nếu đáp ứng quy định tại Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thì quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 14 Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trường tiểu học

1. Trường tiểu học được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách, trường tiểu học (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường tiểu học tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường tiểu học; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sáp nhập, chia, tách trường tiểu học và cho phép hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 15. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trường tiểu học

1. Trường tiểu học bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ:

a) Trường tiểu học bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Minh chứng về việc trường tiểu học vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

b) Trường tiểu học giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường tiểu học (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trường tiểu học (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường tiểu học bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Trường hợp phát hiện trường tiểu học vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra xác minh, lập hồ sơ đề nghị giải thể trong đó nêu rõ lý do giải thể, thông báo cho trường tiểu học và quyết định việc giải thể trường tiểu học.

b) Trường tiểu học giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tới Ủy ban nhân dân cấp xã;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường tiểu học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc giải thể trường tiểu học; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

c) Quyết định giải thể trường tiểu học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

1. Điều kiện để cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (theo Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản nhận bảo trợ của một trường tiểu học cùng địa bàn trong xã.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp tới Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 17. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

1. Việc đình chỉ cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học được thực hiện như đối với trường tiểu học theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Việc thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

b) Cơ sở giáo dục khác bị thu hồi quyết định cho phép thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Cơ sở giáo dục bị giải thể theo quy định của pháp luật;

Vi phạm nghiêm trọng các quy định về tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục;

Hết thời hạn đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

Mục tiêu và nội dung hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập cơ sở giáo dục;

Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

c) Việc thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học phải xác định rõ lý do thu hồi, các biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên và được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 18. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học

1. Điều kiện thành lập trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học tư thục (sau đây gọi chung là trường trung học) thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện thành lập trường trung học cơ sở:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Trình tự thực hiện thành lập trường trung học phổ thông:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học; Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học nếu đủ điều kiện; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học có hiệu lực, nếu trường trung học không được cho phép hoạt động giáo dục thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

6. Trường hợp trường trung học chuyển địa điểm hoạt động giáo dục thì phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học, cho phép trường trung học hoạt động giáo dục quy định tại Nghị định này. Trong đề án (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này), trường trung học phải cam kết kế thừa các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của trường trung học đề nghị chuyển địa điểm.

Điều 19. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường trung học hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường trung học hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Đối với trường trung học tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường trung học gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường trung học cơ sở hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung học phổ thông;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho trường trung học trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định thực tế các điều kiện để trường trung học được hoạt động giáo dục; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường trung học hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường trung học và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường trung học hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 20. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục trường trung học

1. Các trường hợp đình chỉ hoạt động giáo dục Trường trung học thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trường trung học vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường trung học, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục của trường và báo cáo người có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trường trung học thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường trung học hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường trung học, nếu đáp ứng quy định tại Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thì quyết định cho phép trường trung học hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 21. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trường trung học

1. Trường trung học được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường trung học (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trường trung học (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường trung học tư thục.

3. Trình tự thực hiện sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở và cho phép hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

4. Trình tự thực hiện thành lập trường trung học phổ thông:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông; Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông nếu đủ điều kiện; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục.

Điều 22. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trường trung học

1. Trường trung học bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục.

2. Hồ sơ:

a) Trường trung học bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Minh chứng về việc trường trung học vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

b) Trường trung học giải thể theo quy định tại các điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trường trung học (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trường trung học bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm của nhà trường về vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, lập hồ sơ đề nghị giải thể trong đó nêu rõ lý do giải thể, thông báo cho nhà trường và báo cáo người có thẩm quyền quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản kiểm tra và xác định hành vi vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giải thể trường trung học theo thẩm quyền.

b) Trường trung học giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường trung học, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định việc giải thể trường trung học; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do.

c) Quyết định giải thể trường trung học (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 23. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hồ sơ chuyển đổi bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có);

b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

đ) Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;

e) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Quy trình chuyển đổi:

a) Cơ sở giáo dục phổ thông tư thục gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến kèm theo bản mềm đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

Quyết định chuyển đổi được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định chuyển đổi.

c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và nêu rõ lý do.

Điều 24. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Bản sao văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm của trung tâm;

d) Đối với trung tâm tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đề nghị cho phép thành lập trung tâm;

đ) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm.

3. Trình tự thực hiện:

a) Thành lập trung tâm công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập trung tâm.

b) Cho phép thành lập trung tâm tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện cho phép thành lập trung tâm trong thời hạn 15 ngày; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại Điều 32 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập trung tâm; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập trung tâm và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập trung tâm tư thục;

d) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 25. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Các trường hợp đình chỉ hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đình chỉ hoạt động đối với trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động đối với trung tâm tư thục.

Trường hợp đình chỉ hoạt động trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đình chỉ hoạt động trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động trung tâm tư thục.

Quyết định đình chỉ hoạt động của trung tâm (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trung tâm thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trung tâm hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 26. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Yêu cầu sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Sáp nhập, chia, tách trung tâm công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định việc sáp nhập, chia, tách trung tâm.

b) Sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục, lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 15 ngày;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục;

d) Quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 27. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Các trường hợp giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ:

a) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Minh chứng về việc trung tâm vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

b) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể trung tâm (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này:

Khi phát hiện trung tâm vi phạm các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm biết;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm tra, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định giải thể trung tâm công lập; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giải thể trung tâm tư thục;

b) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

Đối với trung tâm công lập: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giải thể trung tâm.

Đối với trung tâm tư thục: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị giải thể trung tâm và lập báo cáo thẩm định trong thời hạn 15 ngày.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giải thể trung tâm; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định giải thể trung tâm tư thục;

d) Quyết định giải thể trung tâm (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 28. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập trung tâm học tập cộng đồng

1. Điều kiện thành lập trung tâm học tập cộng đồng công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm;

c) Đối với trung tâm tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đề nghị thành lập trung tâm.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế (nếu cần thiết) các điều kiện thành lập trung tâm; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập trung tâm học tập cộng đồng công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 29. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động trung tâm học tập cộng đồng

1. Các trường hợp đình chỉ hoạt động trung tâm học tập cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trung tâm học tập cộng đồng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

Quyết định đình chỉ hoạt động trung tâm học tập cộng đồng (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trung tâm thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 30. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng

1. Yêu cầu sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế (nếu cần thiết) các điều kiện sáp nhập, chia, tách trung tâm; nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 31. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trung tâm học tập cộng đồng

1. Các trường hợp giải thể trung tâm học tập cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ:

a) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Minh chứng về việc trung tâm vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

b) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này:

Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra để đánh giá tình hình hoạt động của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm biết;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, quyết định giải thể trung tâm;

b) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định việc giải thể trung tâm học tập cộng đồng nếu đủ điều kiện; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do.

Quyết định giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo Mẫu số 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 32. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

1. Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

a) Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định tại Điều 42 của Luật Giáo dục;

b) Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên gồm: Trung tâm ngoại ngữ, tin học; trung tâm ngôn ngữ và văn hóa; trung tâm giáo dục kỹ năng sống; trung tâm bồi dưỡng kiến thức, văn hóa, nghệ thuật và các trung tâm khác thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc, cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết trong cuộc sống đáp ứng nhu cầu người học.

2. Điều kiện thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục

a) Có địa điểm, cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm;

b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của từng chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm;

d) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm.

4. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm;

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện thành lập trung tâm; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 33. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

1. Trung tâm bị đình chỉ hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm;

b) Trong quá trình hoạt động, không duy trì được một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

c) Không triển khai hoạt động giáo dục trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập;

d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động của trung tâm.

Quyết định đình chỉ hoạt động trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trung tâm thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trung tâm hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 34. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

1. Trung tâm được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học;

b) Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

c) Trung tâm mới được hình thành sau quá trình sáp nhập, chia, tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trung tâm, lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 35. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

1. Trung tâm bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức và hoạt động của trung tâm;

b) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động giáo dục mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

c) Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

d) Không bảo đảm chất lượng giáo dục;

đ) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm.

2. Hồ sơ:

a) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Minh chứng về việc trung tâm vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

b) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể của nhà trường, tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này:

Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm;

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm tra, căn cứ kết quả kiểm tra, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định giải thể trung tâm.

b) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

Nhà trường, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị giải thể trung tâm và lập báo cáo thẩm định trong thời hạn 10 ngày;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giải thể trung tâm; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do.

c) Quyết định giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 36. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

1. Điều kiện thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm;

d) Đối với trung tâm tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm, bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đề nghị thành lập trung tâm;

đ) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm.

3. Trình tự thực hiện:

a) Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn xây dựng hồ sơ đề nghị thành lập trung tâm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập trung tâm;

b) Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập; nếu hồ sơ hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập trung tâm;

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện thành lập trung tâm; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập trung tâm; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm và nêu rõ lý do;

c) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 37. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

1. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập bị đình chỉ hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm;

b) Trong quá trình hoạt động không duy trì được một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

c) Không triển khai hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm;

d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ bị đình chỉ;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự thực hiện:

a) Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo cho trung tâm về hành vi vi phạm, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đình chỉ hoạt động đối với trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động đối với trung tâm tư thục.

Quyết định đình chỉ hoạt động trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trung tâm thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trung tâm hoạt động trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 38. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

1. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học;

b) Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

c) Trung tâm được hình thành sau khi sáp nhập, chia, tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Sáp nhập, chia, tách trung tâm công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sáp nhập, chia, tách trung tâm;

b) Sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục, lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 15 ngày;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 39. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

1. Trung tâm bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức và hoạt động của trung tâm;

b) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

c) Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

d) Không bảo đảm chất lượng giáo dục;

đ) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm.

2. Hồ sơ:

a) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Minh chứng về việc trung tâm vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

b) Trung tâm giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị giải thể trung tâm (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này:

Khi phát hiện trung tâm vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra đánh giá tình trạng thực tế của trung tâm, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho trung tâm biết về hành vi vi phạm;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm tra, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định giải thể trung tâm công lập hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định giải thể trung tâm tư thục;

b) Trung tâm bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

Đối với trung tâm công lập: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giải thể trung tâm.

Đối với trung tâm tư thục: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trung tâm. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị giải thể trung tâm, lập báo cáo thẩm định trong thời hạn 15 ngày.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giải thể trung tâm; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do;

c) Quyết định giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 40. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú

1. Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập trường (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập trường (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án thành lập trường; lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét các điều kiện thành lập trường tại hồ sơ; nếu đủ điều kiện thì quyết định thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho các cơ quan có liên quan và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 41. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu là trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở) hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (nếu là trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ; hoặc thông báo kế hoạch thẩm định thực tế tại trường trong trường hợp hồ sơ hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc nội trú; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 42. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú

1. Đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú:

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú bị đình chỉ hoạt động giáo dục khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;

b) Trình tự thực hiện:

Khi phát hiện trường phổ thông dân tộc nội trú vi phạm quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục của trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì nhà trường thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc nội trú, nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định này thì quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

c) Trình tự thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú; lập hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường; nếu đủ điều kiện thì quyết định sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho các cơ quan có liên quan và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách hoạt động giáo dục.

3. Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ:

Trường phổ thông dân tộc nội trú bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Sở Giáo dục và Đào tạo (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); minh chứng về việc trường phổ thông dân tộc nội trú vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

Trường phổ thông dân tộc nội trú bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Sở Giáo dục và Đào tạo (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); đề án giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

c) Trình tự thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú.

Quyết định giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 43. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú

1. Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập trường (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập trường (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập trường;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú; nếu đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập trường; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 44. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú; nếu đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 45. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú

1. Đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc bán trú

a) Các trường hợp đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc bán trú thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 62 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Trình tự thực hiện:

Khi phát hiện trường phổ thông dân tộc bán trú vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 62 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục của trường.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì nhà trường thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 hoặc điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú, nếu đáp ứng quy định tại Điều 60 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thì quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

Đề án sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

c) Trình tự thực hiện:

Cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan đề nghị sáp nhập, chia, tách trường;

Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế (nếu cần thiết) các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường; nếu đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú và cho phép hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho các cơ quan có liên quan và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ:

Trường phổ thông dân tộc bán trú bị giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); minh chứng về việc trường phổ thông dân tộc bán trú vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

Trường phổ thông dân tộc bán trú bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); đề án giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

c) Trình tự thực hiện:

Cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú.

Quyết định giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 46. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập trường trung học phổ thông chuyên

1. Điều kiện thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục

a) Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở.

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên.

2. Hồ sơ, trình tự thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Điều 47. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục

Trường trung học phổ thông chuyên được cho phép hoạt động giáo dục khi đáp ứng các điều kiện hoạt động như đối với trường trung học phổ thông quy định tại Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và các điều kiện sau đây:

a) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định đối với trường chuyên.

b) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn, nhiệm vụ theo quy định đối với trường chuyên.

2. Hồ sơ, trình tự cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Điều 48. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên

Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Điều 49. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao

1. Điều kiện thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao tư thục

a) Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở.

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập trường;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường tại hồ sơ; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 này làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 50. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Đối với trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ; hoặc thông báo kế hoạch thẩm định thực tế tại trường trong trường hợp hồ sơ hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của nhà trường và lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao); lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định và văn bản thống nhất của cơ quan liên quan, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 51. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao

1. Đình chỉ hoạt động giáo dục:

a) Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao bị đình chỉ hoạt động giáo dục khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập và tư thục thuộc địa phương;

c) Trình tự thực hiện:

Khi phát hiện trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao vi phạm quy định tại điểm a khoản này, Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục của trường và thông báo cho người có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao, nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 48 Phụ lục I kèm theo Nghị định này thì quyết định cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sáp nhập, chia, tách:

a) Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Đề án sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao tư thục;

c) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường, lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại điểm a khoản này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách hoạt động giáo dục.

3. Giải thể:

a) Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ:

Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Sở Giáo dục và Đào tạo (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); minh chứng về việc trường vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); đề án giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Trình tự thực hiện:

Trường hợp giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Trường hợp phát hiện nhà trường vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong thời hạn 20 ngày, tiến hành xác minh hành vi vi phạm của nhà trường, lập hồ sơ đề nghị giải thể trong đó nêu rõ lý do giải thể; thông báo cho nhà trường và cơ quan quản lý có thẩm quyền của nhà trường; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao.

Trường hợp giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giải thể trường; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do;

d) Quyết định giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 52. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật

1. Điều kiện thành lập trường dành cho người khuyết tật công lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật tư thục

a) Trường dành cho người khuyết tật được thành lập ở cấp học mầm non và phổ thông khi có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập trường;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường tại hồ sơ; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Giáo dục và Đào tạo, nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường có hiệu lực, nếu trường không được cho phép hoạt động giáo dục thì Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

Điều 53. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục

1. Điều kiện cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm;

c) Đối với trường dành cho người khuyết tật tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; tài chính và tài sản của nhà trường; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ; hoặc thông báo kế hoạch thẩm định thực tế tại trường trong trường hợp hồ sơ hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của trường; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 54. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường dành cho người khuyết tật

1. Đình chỉ hoạt động giáo dục:

a) Trường dành cho người khuyết tật bị đình chỉ hoạt động giáo dục khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;

b) Trình tự thực hiện:

Khi phát hiện trường dành cho người khuyết tật vi phạm quy định tại điểm a khoản này, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá tình trạng thực tế của trường, lập biên bản kiểm tra và thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo cho nhà trường về hành vi vi phạm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức độ vi phạm, quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục của trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục trường dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn bị đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì trường thông báo bằng văn bản kèm theo minh chứng cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định đình chỉ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát điều kiện hoạt động giáo dục của trường dành cho người khuyết tật, nếu đáp ứng quy định tại 1 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định này thì quyết định cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sáp nhập, chia, tách:

a) Trường dành cho người khuyết tật được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trường (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

Đề án sáp nhập, chia, tách trường (theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật tư thục;

c) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường.

Trong thời hạn 20 ngày, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại điểm a khoản này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Giáo dục và Đào tạo, nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép trường được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách hoạt động giáo dục.

3. Giải thể:

a) Trường dành cho người khuyết tật bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục;

b) Hồ sơ:

Trường dành cho người khuyết tật bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của Sở Giáo dục và Đào tạo (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); minh chứng về việc trường vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

Trường dành cho người khuyết tật bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị giải thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập trường (theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này); đề án giải thể trường (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

c) Trình tự thực hiện:

Trường bị giải thể theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Trường hợp phát hiện hoặc có văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra về việc nhà trường vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 51

của Luật Giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong thời hạn 20 ngày, tiến hành xác minh hành vi vi phạm của nhà trường, lập hồ sơ đề nghị giải thể trong đó nêu rõ lý do giải thể và thông báo cho nhà trường.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giải thể trường trung học.

Trường bị giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 51 của Luật Giáo dục:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giải thể trường; nếu chưa quyết định giải thể thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể và nêu rõ lý do.

Quyết định giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 55. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép lớp dành cho người khuyết tật

1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật:

Lớp dành cho người khuyết tật được thành lập hoặc cho phép thành lập trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với phương thức giáo dục đối với người khuyết tật;

b) Có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, phẩm chất, năng lực và trình độ đào tạo đáp ứng hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật;

c) Có cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học và hỗ trợ đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 53 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

b) Tài liệu, minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường, trung tâm; nếu hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập lớp dành cho người khuyết tật;

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thẩm định các điều kiện thành lập lớp dành cho người khuyết tật; lập báo cáo thẩm định để đánh giá tình hình đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo, nếu đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xax hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập lớp dành cho người khuyết tật; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường, trung tâm và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập lớp dành cho người khuyết tật (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 56. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, lập phân hiệu của trường trung cấp

1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khi thành lập phải hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.

b) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000 m^2; trường trung cấp là 10.000 m^2 đối với khu vực đô thị hoặc 20.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị; trường cao đẳng là 20.000 m^2 đối với khu vực đô thị hoặc 40.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị.

Trường hợp địa điểm xây dựng cơ sở vật chất của trường trung cấp, trường cao đẳng vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực đô thị vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực ngoài đô thị thì thực hiện quy đổi diện tích đất theo tỷ lệ tương ứng giữa đất khu vực đô thị với đất khu vực ngoài đô thị là 1:2.

c) Vốn đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, cụ thể như sau: Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng; Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng; Đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng.

2. Điều kiện thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này và các điều kiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ thực hiện thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp

Hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

b) Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

c) Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;

d) Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê;

đ) Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền;

e) Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

g) Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản;

h) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài hồ sơ theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 3 Điều này, hồ sơ cần bổ sung: Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các thành viên góp vốn; Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập; Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên cam kết góp vốn thành lập; Dự kiến Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị của trường trung cấp, trường cao đẳng.

4. Trình tự, thủ tục hành chính thực hiện thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản này;

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, gửi Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) để tổ chức thẩm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Thẩm định hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng thẩm định.

Hội đồng thẩm định hồ sơ thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch, các thành viên là đại diện một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định (công khai tại cuộc họp thẩm định), trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường hợp hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp không quyết định thành lập, không cho phép thành lập thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Trường hợp hồ sơ thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện nhưng phải hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp không quyết định thành lập, không cho phép thành lập thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Công khai và gửi quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

5. Trình tự, thủ tục hành chính thực hiện thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn

a) Điều kiện thành lập, cho phép thành lập phân hiệu

Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất và vốn đầu tư thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng tối thiểu bằng 25% diện tích đất sử dụng tối thiểu và vốn đầu tư thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

Địa điểm phân hiệu đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp.

b) Hồ sơ thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp là 01 bộ, bao gồm:

Hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 3 Điều này; Đề án thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

c) Trình tự, thủ tục thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp

Trường trung cấp gửi hồ sơ đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo hồ sơ đề nghị thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hồ sơ cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn;

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Công khai và gửi quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

Điều 57. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục

1. Việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc những người góp vốn thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp về việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục.

3. Trình tự, thủ tục chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chia, tách, sáp nhập hoặc cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không quyết định chia, tách, sáp nhập hoặc không cho phép chia, tách, sáp nhập thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Công khai và gửi quyết định chia, tách, sáp nhập, cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai quyết định chia, tách, sáp nhập, cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

Điều 58. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị giải thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và được phép giải thể đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ gồm văn bản đề nghị giải thể của cơ quan có thẩm quyền theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do bị giải thể và kèm theo một trong các văn bản sau đây:

a) Kết luận thanh tra, kiểm tra đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

c) Biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

b) Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

4. Thủ tục, thẩm quyền giải thể, cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định giải thể, cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không quyết định giải thể, cho phép giải thể thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp mà không có văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản hoặc của tổ chức, cá nhân, đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

c) Quyết định giải thể, cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải ghi rõ lý do giải thể, biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định; phương án giải quyết tài sản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Quyết định giải thể, cho phép giải thể được thông báo đến cơ quan liên quan biết để phối hợp thực hiện và được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;

5. Công khai và gửi quyết định giải thể, cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai quyết định giải thể, cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc quyết định cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

Điều 59. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp

Việc chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp thực hiện như quy định đối với giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn quy định tại Điều 58 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 60. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục

1. Hồ sơ đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đề nghị đổi tên của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không quyết định đổi tên, cho phép đổi tên thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Công khai và gửi quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc hoặc quyết định cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi đổi tên được tiếp tục đào tạo các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Điều 61. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo

a) Đối với đào tạo trình độ sơ cấp:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp khi có đủ các điều kiện sau đây:

Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo sơ cấp. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 04 m^2/chỗ học; có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo; có đội ngũ giáo viên đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 học sinh/giáo viên; có giáo viên cơ hữu cho nghề tổ chức đào tạo;

b) Đối với đào tạo trình độ trung cấp:

Trường trung cấp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp khi có đủ các điều kiện sau đây:

Các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp do Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành; phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trường hợp tên ngành, nghề đào tạo chưa có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp do Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành, trường trung cấp phải trình bày luận cứ khoa học về ngành, nghề đào tạo mới; xây dựng bản mô tả ngành, nghề và phân tích công việc của ngành, nghề đó theo Mẫu số 01 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m^2/chỗ học; có đủ thiết bị đào tạo của từng ngành, nghề đào tạo đáp ứng theo danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu do Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo quy định. Trường hợp Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu của ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì phải bảo đảm đủ thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình đào tạo và tương ứng với quy mô đào tạo của ngành, nghề đăng ký hoạt động; có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập; có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m^2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp; có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên; có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng ngành, nghề đăng ký hoạt động được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo; có đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo (trong đó: Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo); giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các trường trung cấp, trường cao đẳng phải đáp ứng các quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật Giáo dục nghề nghiệp khi có quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền được tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo (không bao gồm các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, an ninh, quốc phòng) khi có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Nghề đào tạo trình độ sơ cấp tự chủ quyết định nằm trong cùng nhóm nghề đào tạo trình độ sơ cấp và có ít nhất 01

nghề trong nhóm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp tự chủ quyết định nằm trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III và có ít nhất 01 ngành, nghề trong nhóm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đã thành lập hội đồng trường trường trung cấp; đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động; ban hành các quy định quản lý nội bộ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; công khai các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động động giáo dục nghề nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm và các thông tin khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở.

Trước khi tổ chức đào tạo 30 ngày làm việc, trung tâm giáo dục nghề nghiệp phải thực hiện báo cáo Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 24 tháng tính đến thời điểm tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không vi phạm quy định đến mức bị cơ quan có thẩm quyền xử lý với một trong các mức sau: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp; dừng tuyển sinh và tổ chức đào tạo; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp do không bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định tại khoản này không được quyết định tự chủ mở ngành, nghề đào tạo trong thời hạn 24 tháng kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

Ngay sau khi khóa đào tạo trình độ trung cấp đầu tiên tốt nghiệp, trường trung cấp thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với ngành, nghề đào tạo do trường tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo. Trường hợp không đạt thì trường không được tiếp tục tuyển sinh, đào tạo cho đến khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp

a) Gửi hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 06 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện công khai giấy chứng nhận trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình, cập nhật cơ sở dữ liệu về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và gửi giấy chứng nhận đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

Điều 62. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Các trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại trụ sở chính thì được đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường hợp sau đây:

a) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 61 Phụ lục I kèm theo Nghị định này);

b) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

c) Chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp;

d) Thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo;

e) Đổi tên doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này là 01 bộ, bao gồm:

Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp hoặc bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính; Văn bản đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường cao đẳng bổ sung địa điểm đào tạo mới đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

b) Hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này là 01 bộ, bao gồm:

Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (trừ Văn bản đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường cao đẳng bổ sung địa điểm đào tạo mới đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này); Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo.

c) Hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đổi tên doanh nghiệp.

3. Điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 61 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp như sau:

Đối với trường hợp quy định tại các khoản a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này: Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 61 Phụ lục I kèm theo Nghị định này; cấp giấy chứng nhận

đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 09 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp thẩm tra hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 09 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 63. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm một trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 20 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

b) Tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp không đúng thẩm quyền;

c) Không công khai các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các ngành, nghề đào tạo sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ sở mình; không gửi kết quả công khai về Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

d) Không cập nhật văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở mình cấp trên Trang Thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp tại địa chỉ http://vanbang.gdnn.gov.vn.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra để đánh giá mức độ vi phạm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp;

b) Căn cứ mức độ vi phạm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

c) Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp để đình chỉ;

d) Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này và phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ sở bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định đình chỉ;

đ) Sau thời hạn đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: Vi phạm quy định về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp gây hậu quả nghiêm trọng; hết thời hạn đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ; vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải thu hồi; không tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì có quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo trình tự, thủ tục như sau:

Tổ chức kiểm tra đánh giá mức độ vi phạm, xác định lý do thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, lý do thu hồi, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Quyết định thu hồi được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ sở bị thu hồi, trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định thu hồi và thông báo đến cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi, đồng thời chấm dứt mọi hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo giấy chứng nhận đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành.

Điều 64. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Điều kiện cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Có đề án thành lập phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam;

b) Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư);

c) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000m^2; trường trung cấp là 10.000 m^2 đối với khu vực đô thị hoặc 20.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị; trường cao đẳng là 20.000 m^2 đối với khu vực đô thị hoặc 40.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị.

Trường hợp địa điểm xây dựng cơ sở vật chất của trường trung cấp, trường cao đẳng vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực đô thị vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực ngoài đô thị thì thực hiện quy đổi diện tích đất theo tỷ lệ tương ứng giữa đất khu vực đô thị với đất khu vực ngoài đô thị là 1:2;

d) Vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, cụ thể như sau: Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng; Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng; Đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng;

đ) Chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định.

Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho người khuyết tật

Trường hợp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho người khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư); Đề án thành lập theo Mẫu 1B Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê; Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;

b) Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, ngoài hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ cần bổ sung gồm có: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh; Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện Sở Giáo dục và Đào tạo đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp và trường trung cấp.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tới Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định.

Việc thẩm định hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 56 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cho phép thành lập đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 1C Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

b) Thời hạn gửi quyết định cho phép thành lập:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 65. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Điều kiện cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất và vốn đầu tư cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài tối thiểu bằng 25% diện tích đất sử dụng tối thiểu và vốn đầu tư cho phép thành lập trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 64 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

b) Địa điểm phân hiệu đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; Đề án thành lập theo Mẫu 1B Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; Bản sao các giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở vật chất và năng lực tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 1C Phụ lục IX kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không quyết định cho phép thành lập phân hiệu thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Công khai và gửi quyết định cho phép thành lập phân hiệu

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

4. Thủ tục đăng ký hoạt động và thời hạn hoạt động

a) Thủ tục, hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo Mục 1 và Mục 2 Chương III Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

b) Thời hạn hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không quá 50 năm, tính từ ngày quyết định cho phép thành lập;

c) Trong trường hợp cần thiết, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thời gian hoạt động dài hơn thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 66. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Nguyên tắc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 64 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2C Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2D Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản họp của các bên góp vốn hoặc liên doanh về việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Hợp đồng sáp nhập do người đại diện theo pháp luật của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng ký kết. Hợp đồng phải có nội dung chủ yếu sau: Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sáp nhập, bị sáp nhập, thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị sáp nhập thành phần vốn góp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập.

3. Thủ tục chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự

Tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2A Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

Trường hợp hồ sơ đề nghị không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do.

b) Thời hạn gửi quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có

vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 67. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị giải thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và được phép giải thể đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan có thẩm quyền, trong đó nêu rõ lý do bị giải thể;

b) Kết luận thanh tra, kiểm tra đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

c) Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

d) Biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2E Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2G Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

4. Thủ tục cho phép giải thể

a) Trình tự:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp;

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thẩm định hồ sơ giải thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép giải thể. Trong quyết

định cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; phương án giải quyết tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Giáo dục nghề nghiệp thì Sở Giáo dục và Đào tạo lập hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2B Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

Trường hợp hồ sơ giải thể không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do.

b) Thời hạn gửi quyết định cho phép giải thể

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cho phép giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 68. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

Việc chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện như quy định đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 67 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 69. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn

1. Hồ sơ đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2H Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2I Phụ lục IX kèm theo Nghị định này. Trường hợp không quyết định cho phép đổi tên thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Công khai và gửi quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi đổi tên được tiếp tục tổ chức đào tạo các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Điều 70. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

1. Các hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

a) Liên kết đào tạo với nước ngoài được thực hiện theo các chương trình đào tạo sau đây:

Chương trình đào tạo do hai bên xây dựng; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài và của Việt Nam; Chương trình đào tạo của nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài; Chương trình đào tạo của nước ngoài chuyển giao; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài và của Việt Nam.

b) Liên kết đào tạo với nước ngoài được thực hiện toàn phần tại Việt Nam hoặc thực hiện một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài do các bên liên kết đào tạo quyết định.

2. Điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài và tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

a) Ngành, nghề và trình độ đào tạo:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài theo các hình thức liên kết đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này được liên kết đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực theo quy định của nước ngoài và các ngành, nghề của Việt Nam, trừ ngành, nghề thuộc lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, tôn giáo.

b) Đối tượng tuyển sinh vào học các chương trình liên kết đào tạo:

Trường hợp cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam; trường hợp cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định của pháp luật nước ngoài; trường hợp đồng cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài và của Việt Nam thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; pháp luật của nước cấp văn bằng, chứng chỉ và tương ứng với quy mô đào tạo; có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu theo chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp. Diện tích phòng học lý thuyết và phòng, xưởng thực hành bảo đảm theo quy định về cơ sở vật chất do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành quy định về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của ngành, nghề đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài thì phải bảo đảm đáp ứng theo quy định của chương trình đào tạo.

Đối với liên kết đào tạo thực hiện một phần ở nước ngoài: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật nước ngoài.

d) Chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài bảo đảm có đủ chương trình, giáo trình, tài liệu học tập, học liệu đào tạo phục vụ cho việc học tập của người học theo yêu cầu của từng chương trình liên kết đào tạo.

Chương trình đào tạo không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

đ) Đội ngũ nhà giáo:

Có đội ngũ nhà giáo đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đủ về số lượng, đáp ứng cơ cấu chuyên môn theo yêu cầu của chương trình đào tạo và quy định pháp luật của nước cấp văn bằng, chứng chỉ.

Nhà giáo giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình do các bên liên kết thỏa thuận. Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có bằng cử nhân trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy các chương trình liên kết đào tạo phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

e) Ngôn ngữ giảng dạy và học tập:

Ngôn ngữ sử dụng để giảng dạy, học tập các môn chuyên ngành trong chương trình liên kết đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc nước ngoài là tiếng Việt, tiếng nước ngoài hoặc thông qua phiên dịch; căn cứ nhu cầu của người học, các bên liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp người học đạt trình độ ngoại ngữ để đủ điều kiện học chương trình liên kết đào tạo do hai bên quy định.

g) Cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định nước ngoài cấp hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

h) Tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật Giáo dục nghề nghiệp khi có quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền được tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài (không bao gồm các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, an ninh, quốc phòng) khi có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Đã thành lập hội đồng trường đối với trường trung cấp; đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động; ban hành các quy định quản lý nội bộ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với ngành, nghề tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài.

Công khai các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tính pháp lý của văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học, các thông tin khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở.

Trước khi tổ chức đào tạo 30 ngày làm việc, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp phải thực hiện báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động liên kết đào tạo theo Mẫu 3D và 3E Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 24 tháng tính đến thời điểm tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không vi phạm quy định đến mức bị cơ quan có thẩm quyền xử lý với một trong các mức sau: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp; dừng tuyển sinh và tổ chức đào tạo; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp do không bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định tại khoản này không được quyết định tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài trong thời hạn 24 tháng kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngay sau khi khóa đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đầu tiên tốt nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với ngành, nghề đào tạo do trường tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài. Trường hợp không đạt thì trường không được tiếp tục tuyển sinh, đào tạo cho đến khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3. Hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

Hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo Mẫu 3A Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo Mẫu 3B Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ sơ cấp;

d) Bản sao giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo Mẫu 3C Phụ lục IX kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Công khai và gửi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi giấy chứng nhận đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

Điều 71. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền đình chỉ hoạt động liên kết và chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên bị đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tại thời điểm tuyển sinh không đáp ứng các điều kiện bảo đảm cho hoạt động liên kết quy định tại khoản 2 Điều 70 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Có hành vi gian lận để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo;

c) Tổ chức tuyển sinh khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo;

d) Tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài được cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp được chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài hoặc bị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của các bên liên kết đào tạo;

b) Không tổ chức hoạt động đào tạo sau thời hạn 24 tháng trở lên kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tục đình chỉ liên kết đào tạo

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hiện đình chỉ liên kết đào tạo theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, xác định lý do đình chỉ liên kết đào tạo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, lý do đình chỉ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định đình chỉ liên kết đào tạo theo Mẫu 4A Phụ lục IX kèm theo Nghị định này, thông báo đến cơ quan liên quan biết để phối hợp thực hiện và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Quyết định đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo phải xác định rõ lý do, nội dung, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày bị đình chỉ liên kết đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có);

d) Sau thời hạn đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép tiếp tục tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

4. Hồ sơ chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

a) Hồ sơ chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là 01 bộ, bao gồm:

Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào của các bên liên kết, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo.

Báo cáo chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có).

b) Hồ sơ chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là 01 bộ, bao gồm: Biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

a) Các bên liên kết gửi hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ và quyết định chấm dứt hoạt động liên kết

đào tạo với nước ngoài. Trường hợp không quyết định thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài. Trường hợp không quyết định thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Quyết định chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài phải nêu lý do chấm dứt; biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động. Quyết định chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ sở bị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo, trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo và thông báo đến cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

6. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: Vi phạm quy định về tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài gây hậu quả nghiêm trọng; hết thời hạn đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ; vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải thu hồi; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo trình tự, thủ tục như sau:

Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, xác định lý do thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, lý do thu hồi, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài. Quyết định thu hồi được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ sở bị thu hồi, trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định thu hồi và thông báo đến cơ quan liên quan biết để phối hợp thực hiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động liên kết đào tạo với nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi, đồng thời chấm dứt mọi hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo giấy chứng nhận đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành.

Điều 72. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Điều kiện xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận:

Chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác.

Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đặt trụ sở chính nếu là trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.

Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư không nhận lợi tức, hoặc nhận lợi tức nhưng không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ quy định trong cùng thời kỳ.

Căn cứ để đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận là báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo kiểm toán theo định kỳ.

2. Chính sách khuyến khích đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận được hưởng các chính sách theo quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 26 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các chính sách sau: Ưu tiên cho thuê đất, cơ sở vật chất; Ưu tiên tiếp nhận các dự án đầu tư, đặt hàng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; được hỗ trợ kỹ thuật để tiếp nhận học sinh phổ thông dân tộc nội trú khi ra trường vào học nghề và phát triển đào tạo các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

b) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã cam kết hoạt động không vì lợi nhuận nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với những quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì bị xử lý như sau:

Thu hồi quyết định thành lập, công nhận hoạt động không vì lợi nhuận; Tước quyền thụ hưởng các chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; phải hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước gồm các khoản ưu đãi về tín dụng, ưu đãi từ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, dự án trong và ngoài nước; bị truy thu các khoản thuế và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

3. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

a) Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP hoặc khoản 3 Điều 64 và khoản 2 Điều 65 Phụ lục I kèm theo Nghị định này đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bổ sung các giấy tờ sau:

Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn; dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận là 01 bộ, bao gồm: Văn bản đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu 5E Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn; báo cáo tài chính 03 năm gần nhất và báo cáo kiểm toán theo định kỳ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Thủ tục thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

a) Thủ tục thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP;

b) Thủ tục thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 64 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

c) Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tổ chức thẩm định và lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa bảo đảm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình thêm các nội dung.

d) Thời hạn gửi quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, công nhận trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn hoạt động không vì lợi nhuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. Mẫu văn bản đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục thường xuyên	
Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục
Mẫu số 02	Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục
Mẫu số 03	Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục
Mẫu số 04	Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục
Mẫu số 05	Đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục
Mẫu số 06	Tờ trình đề nghị giải thể cơ sở giáo dục
Mẫu số 07	Đề án giải thể cơ sở giáo dục
Mẫu số 08	Tờ trình đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục
Mẫu số 09	Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
II. Mẫu quyết định của cơ quan có thẩm quyền	
Mẫu số 10	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền (về việc thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục; thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập; cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học)

Mẫu số 01. Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../….-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập ….(3)….	

Kính gửi: .....(4).....

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục: .....

2. Lý do đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục:

.....

3. Thông tin về cơ sở giáo dục đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập:

- Tên cơ sở giáo dục: .....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Địa chỉ trụ sở: .....(5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

4. Chức năng, nhiệm vụ của .....(3).....

5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: .....

(Kèm theo Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập .....(3).....)

Đề nghị .....(4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (6)
- ……..;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- ……..	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân không ghi nội dung ở mục này.

(3) Tên cơ sở giáo dục.

(4) Người có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(5) Địa điểm dự kiến đặt cơ sở giáo dục (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(6) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

Mẫu số 02. Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm .....

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP HOẶC CHO PHÉP THÀNH LẬP ...(1)...

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP HOẶC CHO PHÉP THÀNH LẬP (1)

1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và sự phù hợp với quy hoạch của địa phương hoặc lĩnh vực.

3. Nhu cầu giáo dục .....(2)..... tại địa phương, khu vực.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP HOẶC CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Tên của cơ sở giáo dục: .....

2. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở: .....(3).....

- Số điện thoại:..... Fax: .....

- Website (nếu có):..... Email:.....

4. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng hoặc giám đốc trung tâm:..... *(kèm theo: sơ yếu lý lịch)*

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:..... (4).....

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục:..... (5).....

IV. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục: .....(6).....

2. Các nội dung tích hợp (nếu có): .....(7).....

3. Kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện chương trình:.....

4. Tài liệu giảng dạy và học tập: .....

V. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Thông tin về khu đất dự kiến xây dựng cơ sở giáo dục (nếu có):.....

2. Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giảng dạy và học tập:.....

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác:.....

4. Các điều kiện đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy: .....(8).....

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách: .....(9).....

VI. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động của cơ sở giáo dục *(Kèm theo: danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động).*

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học/chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

VII. NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn. Đối với cơ sở giáo dục tư thục phải có phương án huy động vốn và cân đối vốn theo từng giai đoạn để duy trì hoạt động của nhà trường.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí: Dự kiến các khoản thu, chi trong từng năm học/chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị, phương tiện tổ chức thực hiện chương trình giáo dục.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, nội dung giảng dạy.

5. Kế hoạch và tiến độ sử dụng nguồn vốn thực hiện đề án.

IX. CAM KẾT KẾ THỪA CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM

(Chỉ áp dụng trong trường hợp trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học chuyển địa điểm hoạt động giáo dục)

1. Nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai.

3. Nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của người học.

4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác (nếu có).

(11)	(10)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở giáo dục.

(2) Ghi rõ cấp học.

(3) Địa điểm dự kiến đặt cơ sở giáo dục (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(4) Mô tả cụ thể mục tiêu của cơ sở giáo dục.

(5) Mô tả cụ thể chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục theo các quy định hiện hành.

(6) Mô tả nội dung phát triển chương trình giáo dục theo quy định hiện hành.

(7) Mô tả cụ thể nội dung chương trình tích hợp (nếu có).

(8) Thiết kế cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu, phương án phòng cháy chữa cháy.

(9) Các hồ sơ sổ sách theo quy định đối với nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên.

(10) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập/cho phép thành lập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

(11) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập/cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

Mẫu số 03. Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../TTr-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị ……..	

Kính gửi: .....(3).....

1. Tên cơ sở giáo dục:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

- Số điện thoại: ....., Fax: ……

- Website: ……., Email: ……

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục:.....

5. Tình hình đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục:

- Danh mục cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định.

- Danh sách cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên và người lao động, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo *(Kèm theo hợp đồng làm việc đã được ký giữa nhà trường với từng cán bộ quản lý, giáo viên/huấn luyện viên, người lao động).*

- Đất đai: .....

- Tài chính:.....

(Kèm theo các minh chứng:.....)

.....(2) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:	(5)
- ……..;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- ……..	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở giáo dục đăng ký hoạt động giáo dục.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục.

Mẫu số 04. Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../….-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v ….(3)….	

Kính gửi: …….(4)……..

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục: ...

2. Lý do, mục đích sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục.....

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục sáp nhập:

a) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ nhất trước khi sáp nhập:

- Tên cơ sở giáo dục:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính: ……(5).....
- Số điện thoại: ..... Fax:.....
- Website (nếu có): ..... Email: ……..……..

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ... trước khi sáp nhập: Báo cáo các thông tin như mục a nêu trên.

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục sau khi sáp nhập:

- Tên cơ sở giáo dục:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính: ..... (5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Chức năng, nhiệm vụ: .....

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục chia, tách:

a) Tên cơ sở giáo dục trước khi chia, tách:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....
- Số điện thoại: ..... Fax:.....
- Website (nếu có): ..... Email: ……..……..

b) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ nhất sau khi chia, tách: …….

- Tên cơ sở giáo dục:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Chức năng, nhiệm vụ:..... .....

c) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ... sau khi chia, tách: Báo cáo các thông tin như mục b nêu trên.

(Kèm theo Đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục)

Đề nghị..... (4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị chia hoặc tách hoặc sáp nhập.

(4) Người có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục.

(5) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(6) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

Mẫu số 05. Đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ....

ĐỀ ÁN .....(1).....

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

A. CƠ SỞ GIÁO DỤC THỨ NHẤT

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Thuộc:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp].

- Chức năng, nhiệm vụ:.....

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

3. Tổ chức bộ máy (số lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động)

4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sáp nhập)

5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

[...]. CƠ SỞ GIÁO DỤC THỨ... (Báo cáo thông tin của từng cơ sở trước khi sáp nhập như tại Phần A nêu trên)

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI CHIA, TÁCH

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Thuộc: .....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

- Chức năng, nhiệm vụ:.....

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

3. Tổ chức bộ máy (số lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động)

4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi chia, tách)

5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH

1. Sự cần thiết

2. Cơ sở pháp lý

3. Nguyên tắc sáp nhập, chia, tách

II. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH,

1. Phạm vi, đối tượng sáp nhập, chia, tách

2. Phương án sáp nhập, chia, tách

a) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong từng cơ sở giáo dục;

b) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai;

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học;

d) Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng sáp nhập, chia, tách.

3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập, chia, tách, cơ sở giáo dục

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp

Phần thứ ba

THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC SAU KHI SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH

(Báo cáo về từng cơ sở giáo dục sau khi sáp nhập, chia, tách)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: .....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Thuộc: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....(2).....

4. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có): ..... Email:.....

5. Chức năng, nhiệm vụ:.....

6. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng trường/giám đốc trung tâm:.....

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:.....

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục:.....

III. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Chương trình, nội dung giáo dục:.....

2. Các nội dung tích hợp (nếu có):.....

3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện chương trình:.....

4. Tài liệu giảng dạy và học tập:.....

IV. ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ

1. Đất đai: .....

2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục:

.....

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác: .....

4. Các điều kiện đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy: .....

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách: .....

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục: .....

(Kèm theo: danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý)

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học: .....

VI. NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH

1. Vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn. Đối với cơ sở giáo dục tư thục phải có phương án huy động vốn và cân đối vốn theo từng giai đoạn để duy trì hoạt động của nhà trường.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí: Dự kiến các khoản thu, chi trong từng năm học.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (3)

.....

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (4)

.....

Phần thứ năm
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(6)	(5)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi [sáp nhập, chia, tách] + [tên cơ sở giáo dục đề nghị sáp nhập, chia, tách].

(2) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(3) Nêu rõ tiến độ, thời gian tổ chức thực hiện đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục.

(4) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

(6) Chức danh người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

Mẫu số 06. Tờ trình đề nghị giải thể cơ sở giáo dục

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../….-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị ….(3)….	

Kính gửi:.....(4).....

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục: ...

2. Đề nghị giải thể:..... (3).....

3. Thông tin về cơ sở giáo dục đề nghị giải thể:

a) Tên cơ sở giáo dục:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

b) Thuộc: .....

c) Địa chỉ trụ sở chính:.....

d) Số điện thoại:..... ,.. Fax:.....

Website:..... Email:.....

đ) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

e) Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

g) Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

4. Lý do giải thể cơ sở giáo dục: .....

5. Phương án giải thể cơ sở giáo dục:

a) Phương án giải quyết tài sản.

b) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

d) Phương án thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

đ) Phương án xử lý các vấn đề khác (nếu có).

Đề nghị ……(4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	(5)
- ……..	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục].

(4) Người có thẩm quyền giải thể cơ sở giáo dục.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

Mẫu số 07. Đề án giải thể cơ sở giáo dục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐỀ ÁN
GIẢI THỂ..... (1)

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:..... .....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Thuộc: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....

4. Số điện thoại: ....., Fax: .....

Website:..... , Email:.....

5. Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

6. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

7. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

8. Chức năng, nhiệm vụ:.....

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

3. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi giải thể)

4. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục tại thời điểm đề nghị giải thể (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

5. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

.....

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ + [TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC]

I. LÝ DO GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC

II. PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Phương án giải quyết tài sản.

2. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

3. Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

4. Phương án thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

5. Phương án xử lý các vấn đề khác (nếu có).

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (3)

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (4)

(6) *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*	(5) *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi rõ loại hình và tên cơ sở giáo dục.

(2) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(3) Nêu rõ tiến độ, thời gian thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục.

(4) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

(6) Chức danh người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

Mẫu số 08. Tờ trình đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../....	
V/v đề nghị	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

Kính gửi: .....(1).....

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục: .....

2. Thông tin về cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục đề nghị cho phép thành lập:

- Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập:.....
- Địa chỉ: .....(2).....
- Điện thoại:.....

3. Chức năng, nhiệm vụ: .....(3).....

4. Quy mô của cơ sở giáo dục mầm non độc lập:..... (4).....

5. Cơ sở vật chất, thiết bị:..... (5).....

6. Cơ cấu tổ chức:..... (6).....

7. Tài chính: .....(7).....

8. Chương trình giáo dục mầm non: Có kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ em và thực đơn cho trẻ nếu có tổ chức ăn bán trú kèm theo.

Kính đề nghị ..... xem xét và phê duyệt.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (8)
- .....;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-	

Ghi chú:

(1) Người có thẩm quyền cho phép thành lập và cho phép hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

(2) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(3) Ghi rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

(4) Ghi rõ tổng số và loại nhóm/lớp, tổng số trẻ phân theo lứa tuổi.

(5) Ghi rõ khối công trình (nhà riêng ghi rõ mấy tầng sử dụng, chung cư ghi rõ tầng sử dụng); số phòng chăm sóc trẻ, diện tích mỗi phòng, diện tích bình quân/trẻ; diện tích nhà vệ sinh, bếp (nếu tổ chức ăn bán trú); diện tích chỗ chơi cho trẻ; hệ thống phòng cháy chữa cháy; trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu, tài liệu theo quy định.

(6) Ghi rõ số lượng, trình độ của đội ngũ quản lý chuyên môn, giáo viên và nhân viên *(kèm theo Hợp đồng làm việc đã được ký giữa tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập với đội ngũ quản lý chuyên môn, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non độc lập).*

(7) Ghi rõ từng nguồn vốn bảo đảm hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập và số vốn tương ứng với từng nguồn; kế hoạch sử dụng vốn.

(8) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập và cho phép hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục mầm non độc lập. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

Mẫu số 09. Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../TTr-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị …….	

Kính gửi: .....(3) .....

1. Tên cơ sở giáo dục: .... (2) ....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có) ....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .... (4) .....

- Số điện thoại: ……., Fax: ……

- Website: ……., Email: ……

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

5. Các điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học: ……(5).....

6..... (2)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:	(6)
- ……..	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- ……..	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở giáo dục đề nghị thực hiện chương trình.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện chương trình giáo dục cấp tiểu học.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Ghi rõ số lượng, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách cơ sở giáo dục); danh mục phòng học, thiết bị, tài liệu giảng dạy và học tập.

(6) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục đề nghị thực hiện chương trình.

Mẫu số 10. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền (thành lập hoặc cho phép thành lập/cho phép hoạt động giáo dục/đình chỉ hoạt động giáo dục/sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục; thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập; cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học)

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../QĐ-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc……(3)…….[1]

THẨM QUYỀN BAN HÀNH .....(4)……

Căn cứ..... (5)..... ;

Căn cứ..... ;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ……(6).....

Điều ……

Điều ……

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều …..;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- ……..;	
- Lưu: VT, (7) A.xx (8)	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành quyết định.

(3) Trích yếu nội dung quyết định.

(4) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(5) Các căn cứ pháp lý để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định; các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định..).

(6) Nội dung quyết định *(trường hợp đình chỉ hoạt động giáo dục phải nêu rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong cơ sở giáo dục; trường hợp sáp nhập, chia, tách phải nêu rõ lý do, phương án giải quyết các vấn đề tài chính, tài sản và biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên trong cơ sở giáo dục; trường hợp giải thể phải nêu rõ lý do giải thể, phương án giải quyết các vấn đề về tài chính, tài sản và biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên trong cơ sở giáo dục).*

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

[1] Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, cơ sở giáo dục thường xuyên và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thì quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập đồng thời là quyết định cho phép hoạt động giáo dục.

Phụ lục III

MẪU VĂN BẢN VỀ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP, TƯ THỤC

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng
Mẫu số 02	Đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 03	Đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng
Mẫu số 04	Quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: :...../.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*
V/v đề nghị thành lập, cho phép thành lập.....(3).....	

Kính gửi:.....(4).....

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.....

2. Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập:.....

.....

3. Thông tin về..... (3)..... đề nghị thành lập, cho phép thành lập

Trường hợp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....(3).....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (6).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

Trường hợp thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng, báo cáo các thông tin sau:

- Tên trường trung cấp, trường cao đẳng:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (7).....
- Tên phân hiệu:.....
- Địa chỉ phân hiệu:..... (8).....
- Số điện thoại của phân hiệu:..... Fax:.....
- Website của phân hiệu (nếu có):..... Email:.....

4. Chức năng, nhiệm vụ của.....(3).....

.....

5. Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh

a) Tại trụ sở chính *(trường hợp đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu thì không báo cáo thông tin ở mục này)*

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (9)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): Báo cáo riêng cho từng phân hiệu, địa điểm đào tạo. Trường hợp đề nghị thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng, báo cáo thông tin ở mục này

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (9)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

(Kèm theo Đề án thành lập, cho phép thành.....(3).....)

Đề nghị.....(4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ....
- .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu: Tên cơ quan chủ quản đối với trường trung cấp, trường cao đẳng công lập.

(2) Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Tên cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân không ghi nội dung ở mục này.

Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu: Tên trường trung cấp, trường cao đẳng.

(3) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(4) Người có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(5) Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(6) Địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng hoặc địa điểm đào tạo (nếu có) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(7) Địa điểm trụ sở chính của trường trung cấp, trường cao đẳng (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(8) Địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(9) Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; trường trung cấp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp.

(10) *Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp:* Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

Đối với đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu: Chức vụ, chức danh người đứng đầu trường trung cấp, trường cao đẳng.

Mẫu số 02. Đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP.....(1).....

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP.....(1).....

1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

3. Thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

4. Thực trạng về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

5. Nhu cầu đào tạo.....(2)..... trên địa bàn và các tỉnh lân cận hoặc lĩnh vực

6. Quá trình hình thành và phát triển *(áp dụng đối với trường hợp nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp).*

a) Sơ lược quá trình hình thành và phát triển.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

c) Về tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

d) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

đ) Về chương trình, giáo trình đào tạo.

e) Về kinh phí hoạt động.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA.....(1).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Thuộc:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

4. Tên phân hiệu (nếu có):.....

5. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....

6. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

7. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng trường, giám đốc trung tâm:.....

..... *(Có sơ yếu lý lịch kèm theo)*

8. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

.....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

.....

.....

III. DỰ KIẾN NGÀNH, NGHỀ, TRÌNH ĐỘ VÀ QUY MÔ *(Báo cáo riêng tại trụ sở chính và từng phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có))*

1. Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (5)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	Trình độ cao đẳng						
1							
2							
	...						
II	Trình độ trung cấp						
1							
2							
	...						
III	Trình độ sơ cấp						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

2. Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (5)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	Trình độ cao đẳng						
1							
2							
	...						
II	Trình độ trung cấp						
1							
2							
	...						
III	Trình độ sơ cấp						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường; giám đốc, phó giám đốc trung tâm

.....

.....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị, tổ chức thuộc trường, trung tâm

.....

.....

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất sử dụng:..... m^2, gồm:

a) Diện tích đất khu vực đô thị:..... m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

b) Diện tích đất khu vực ngoài đô thị:..... m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

c) Diện tích đất quy đổi:..... m^2 đất khu vực đô thị hoặc..... m^2 đất khu vực ngoài đô thị.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp dự kiến đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo (6)

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn: Ghi rõ từng nguồn vốn thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và số vốn tương ứng với từng nguồn.

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

[...]) .....

.....

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy.

5. Kế hoạch và tiến độ sử dụng nguồn vốn thực hiện đề án.

Phần thứ tư
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(8)	(7)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Đối với đề án thành lập, cho phép thành lập trường cao đẳng ghi "trình độ cao đẳng hoặc/và trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp"; đối với đề án thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp ghi "trình độ trung cấp hoặc/và trình độ sơ cấp"; đối với đề án thành lập, cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp ghi "trình độ sơ cấp".

(3) Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(4) Địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng hoặc địa điểm đào tạo (nếu có) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(5) Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; trường trung cấp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp.

(6) Tương ứng với mỗi ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo báo cáo các nội dung sau:

- Về chương trình đào tạo

+ Tên chương trình đào tạo (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

+ Hình thức đào tạo: [Chính quy, thường xuyên].

+ Đối tượng tuyển sinh.

+ Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

+ Mục tiêu đào tạo.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa:..... giờ (..... tín chỉ).

+ Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học.

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy.

(7) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

(8) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu số 03. Đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP PHÂN HIỆU CỦA...(1)...

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP PHÂN HIỆU CỦA.....(1).....

1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

3. Thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

4. Thực trạng về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn hoặc lĩnh vực.

5. Nhu cầu đào tạo.....(2)..... trên địa bàn và các tỉnh lân cận hoặc lĩnh vực

6. Thông tin chung của trường trung cấp, trường cao đẳng đề nghị thành lập phân hiệu

- Tên trường trung cấp, trường cao đẳng:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Thuộc:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):.....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

- Kết quả tuyển sinh, đào tạo trong 03 năm gần nhất:.....

Phần thứ hai
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA.....(1).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ PHÂN HIỆU ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Tên phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng:.....

2. Địa chỉ phân hiệu:..... (3).....

3. Số điện thoại:..... Fax:.....

4. Website:..... Email:.....

5. Họ và tên người dự kiến đứng đầu phân hiệu:.....

.....

(Có sơ yếu lý lịch kèm theo)

6. Chức năng, nhiệm vụ của phân hiệu:.....

.....

.....

7. Mối quan hệ của phân hiệu với các đơn vị thuộc trường trung cấp, trường cao đẳng:.. .....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

.....

.....

III. DỰ KIẾN NGÀNH, NGHỀ, TRÌNH ĐỘ VÀ QUY MÔ *(Báo cáo tại từng phân hiệu)*

1. Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (4)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

2. Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (4)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	Tổng cộng						

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức của phân hiệu.....

.....

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phân hiệu

.....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị, tổ chức thuộc phân hiệu ..

.....

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA PHÂN HIỆU

1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất sử dụng:.....m^2, gồm:

a) Diện tích đất khu vực đô thị:.....m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

b) Diện tích đất khu vực ngoài đô thị:.....m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

c) Diện tích đất quy đổi:.....m^2 đất khu vực đô thị hoặc..... m^2 đất khu vực ngoài đô thị.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề mà phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng dự kiến đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo (5)

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn: Ghi rõ từng nguồn vốn thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng và số vốn tương ứng với từng nguồn.

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và chi cho các hoạt động tại phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy.

5. Kế hoạch và tiến độ sử dụng nguồn vốn thực hiện đề án.

Phần thứ tư
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(7)	(6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên trường trung cấp, trường cao đẳng.

(2) Đối với đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng ghi "trình độ cao đẳng hoặc/và trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp"; đối với đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp ghi "trình độ trung cấp hoặc/và trình độ sơ cấp".

(3) Địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(4) Phân hiệu của trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; phân hiệu của trường trung cấp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp.

(5) Tương ứng với mỗi ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo báo cáo các nội dung sau:

- Về chương trình đào tạo

+ Tên chương trình đào tạo (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

+ Hình thức đào tạo: [Chính quy, thường xuyên].

+ Đối tượng tuyển sinh.

+ Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

+ Mục tiêu đào tạo.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa:..... giờ (..... tín chỉ).

+ Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học.

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy.

(6) Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng.

(7) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan chủ quản đối với trường trung cấp, trường cao đẳng công lập; của tổ chức quản lý trực tiếp hoặc hội đồng quản trị hoặc cá nhân sở hữu trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục. Trường hợp cá nhân sở hữu trường trung cấp, trường cao đẳng không phải đóng dấu.

Mẫu số 04. Quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../QĐ-.....	
	....., ngày... tháng... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập, cho phép thành lập.....(2).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ ..... *(4)*.....;

Căn cứ ..... *(5)*.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập, cho phép thành lập [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng].....

Trụ sở chính (chỉ ghi đối với việc thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp):.....

Tên phân hiệu, địa chỉ phân hiệu (nếu có):.....

Địa điểm đào tạo (nếu có):.....

..... (6).....

Điều.....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều...;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- .....;	
- Lưu: VT, (7) A.xx (8)	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định).

(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(6) Chỉ ghi đối với việc thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục IV

MẪU VĂN BẢN VỀ CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP, TƯ THỤC

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 02	Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 03	Quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*
V/v đề nghị.....(3).....	

Kính gửi:.....(4).....

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

2. Lý do, mục đích chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

.....

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp chia, tách

a) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp trước khi chia, tách:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

b) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ nhất sau khi chia, tách

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

- Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:.....

.....

.....

n) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ... sau khi chia, tách: Báo cáo các thông tin như mục b nêu trên.

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sáp nhập

a) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ nhất trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (5).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ... trước khi sáp nhập: Báo cáo các thông tin như mục a nêu trên.

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Địa chỉ trụ sở chính: ..... (5).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (5).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

- Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:.....

.....

.....

(kèm theo Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Đề nghị..... (4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ....
- .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị chia hoặc tách hoặc sáp nhập.

(4) Người có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(5) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(6) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

Mẫu số 02. Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN.....(1).....

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI CHIA, TÁCH

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Thuộc:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (2).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].
- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].
- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].
- Chức năng, nhiệm vụ:.....
- Ngành, nghề đào tạo; trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1				
2				
3				
4				
5				

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3. Cơ cấu tổ chức

4. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

5. Kết quả đào tạo trong 03 năm gần nhất (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

6. Ngành, nghề, số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

7. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, tài chính, tài sản

8. Năng lực hoạt động tự chủ (cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập báo cáo thông tin ở mục này)

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

A. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỨ NHẤT (Báo cáo các thông tin như tại Phần I nêu trên)

[...]. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỨ... (Báo cáo thông tin của từng cơ sở trước khi sáp nhập như tại Phần I nêu trên)

II. [Tên của phần]

.....

.....

.....

[...]. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

1. Sự cần thiết

2. Cơ sở pháp lý

3. Nguyên tắc chia, tách, sáp nhập

II. PHƯƠNG ÁN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

1. Phạm vi, đối tượng chia, tách, sáp nhập

2. Phương án chia, tách, sáp nhập

a) Về tổ chức, nhân sự

- Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

.....

- .....

.....

b) Về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, đất đai.....:.....

c) Về tổ chức đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên

- Tổ chức đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên:.....

.....

- Phương án bảo đảm quyền lợi của học sinh, sinh viên:.....

.....

- .....

.....

d) Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng chia, tách, sáp nhập

3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp

Phần thứ ba
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP SAU KHI CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

(Báo cáo về từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi chia, tách, sáp nhập)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....

2. Thuộc:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....

4. Tên phân hiệu (nếu có):.....

5. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (2).....

6. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có):..... Email:.....

7. Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

.....

8. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng trường, giám đốc trung tâm:.....

.....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

.....

.....

.....

III. DỰ KIẾN NGÀNH, NGHỀ, TRÌNH ĐỘ VÀ QUY MÔ *(Báo cáo riêng tại trụ sở chính và từng phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có))*

1. Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (3)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

2. Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (3)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường; giám đốc, phó giám đốc trung tâm

.....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị, tổ chức thuộc trường, trung tâm

.....

.....

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất sử dụng:.....m^2, gồm:

a) Diện tích đất khu vực đô thị:.....m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

b) Diện tích đất khu vực ngoài đô thị:.....m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

c) Diện tích đất quy đổi:.....m^2 đất khu vực đô thị hoặc..... m^2 đất khu vực ngoài đô thị.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp dự kiến đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo (4)

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn: Ghi rõ từng nguồn vốn bảo đảm hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và số vốn tương ứng với từng nguồn.

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (5)

.....

.....

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (6)

.....

.....

Phần thứ năm
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(8)	(7)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi [chia, tách, sáp nhập] + [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị chia, tách, sáp nhập].

(2) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(3) Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; trường trung cấp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp.

(4) Tương ứng với mỗi ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo báo cáo các nội dung sau:

- Về chương trình đào tạo

+ Tên chương trình đào tạo (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

+ Hình thức đào tạo: [Chính quy, thường xuyên].

+ Đối tượng tuyển sinh.

+ Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);...năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

+ Mục tiêu đào tạo.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa:..... giờ (..... tín chỉ).

+ Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học.

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy.

(5) Nêu rõ tiến độ, thời gian tổ chức thực hiện đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(6) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(7) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

(8) Chức danh người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

Mẫu số 03. Quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	_____
	....., ngày... tháng... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia, tách, sáp nhập.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(2).....

Căn cứ ..... *(3)*.....;

Căn cứ ..... *(4)*.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (5).....

.....

Điều.....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều...;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- .....;	
- Lưu: VT, (6) A.xx (7)	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(3) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ban hành quyết định).

(4) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(5) Nội dung quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục V

MẪU VĂN BẢN VỀ GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP, TƯ THỤC; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG LẬP, TƯ THỤC

(Kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng
Mẫu số 02	Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng
Mẫu số 03	Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*
V/v đề nghị.....(3).....	

Kính gửi:.....(4).....

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.....

.....

2. Đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp]; chấm dứt hoạt động [tên phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng]

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị giải thể; phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng đề nghị chấm dứt hoạt động

a) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

b) Thuộc:.....

c) Địa chỉ trụ sở chính:.....

d) Tên phân hiệu:.....

đ) Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):.....

e) Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

g) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

h) Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

4. Lý do giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

.....

5. Phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

a) Phương án giải quyết tài sản.

b) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

d) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

[...]).....

.....

.....

Đề nghị..... (4)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(5)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp] hoặc chấm dứt hoạt động phân hiệu của [tên trường trung cấp, trường cao đẳng].

(4) Người có thẩm quyền giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

Mẫu số 02. Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN
GIẢI THỂ [TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP]; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA [TÊN TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG]

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Thuộc:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... (1).....

4. Tên phân hiệu (nếu có):.....

5. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (1).....

6. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

7. Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

8. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

9. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

10. Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

11. Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

.....

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Kết quả đào tạo trong 03 năm gần nhất (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

4. Ngành, nghề, số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, tài chính, tài sản

6. Khả năng hoạt động tự chủ (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập).....

7.....

.....

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ [TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP]; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA [TÊN TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG]

I. Lý do giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

II. Phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

1. Phương án giải quyết tài sản.

2. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

3. Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

4 Thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

[...].....

.....

.....

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (2)

.....

.....

.....

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (3)

.....

.....

.....

(5)	(4)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(2) Nêu rõ tiến độ, thời gian thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(3) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(4) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

Mẫu số 03. Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	_____
	....., ngày... tháng... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.....(2).....

_____

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của..... .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (6).....

.....

1. Lý do giải thể, chấm dứt hoạt động.....

2. Biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học.....

3. Biện pháp bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động

4. Thực hiện nghĩa vụ về tài chính.....

5. Phương án giải quyết tài sản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng

Điều... .....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều...;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- .....;	
- Lưu: VT, (7) A.xx (8).	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ban hành quyết định).

(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(6) Nội dung quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).



Phụ lục VI

MẪU VĂN BẢN VỀ ĐỔI TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP, TƯ THỤC

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 02	Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*
V/v đề nghị đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	

Kính gửi:.....(3).....

[Tên của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục] đề nghị.....(3)..... xem xét, quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp như sau:

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện tại

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi đổi tên

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

3. Lý do đề nghị đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

4. Đánh giá tác động của việc đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và các bên liên quan:.....

.....

5. Các giải pháp xử lý rủi ro sau khi thực hiện đổi tên (nếu có):.....

Việc đổi tên không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đề nghị.....(3)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (4)
-	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì không ghi nội dung ở mục này.

(3) Người có thẩm quyền đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(4) Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

Mẫu số 02. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên, cho phép đổi tên.....(2)..... thành.....(3).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(4).....

Căn cứ..... (5).....;

Căn cứ..... (6).....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... của [tên cơ quan ban hành quyết định] về việc thành lập, cho phép thành lập [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp];

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... của [tên cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có)];

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên, cho phép đổi tên..... (2).....

thành.....(3).....

Điều........

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều...;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-.....;	
- Lưu: VT, (7) A.xx (8).	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định đổi tên, cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp trước khi đổi tên.

(3) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được đổi tên, cho phép đổi tên.

(4) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(5) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định).

(6) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục VII

MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Luận cứ khoa học và phân tích công việc của ngành, nghề đào tạo mới
Mẫu số 02	Báo cáo tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo
Mẫu số 03	Quyết định tự chủ mở ngành, nghề đào tạo
Mẫu số 04	Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 05	Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 07	Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 08	Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
Mẫu số 09	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Mẫu số 01. Luận cứ khoa học và phân tích công việc của ngành, nghề đào tạo mới

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

LUẬN CỨ KHOA HỌC VÀ PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC CỦA NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO MỚI
TÊN NGÀNH, NGHỀ:.....
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:.....(3).....

I. LUẬN CỨ KHOA HỌC

1. Sự cần thiết của ngành, nghề đào tạo.

2. Nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, nghề đào tạo: Trình bày ý kiến của ít nhất 03 đơn vị sử dụng lao động, trong đó nêu rõ số lượng, chất lượng nhân lực theo từng trình độ và vị trí việc làm sau đào tạo.

3. Nhu cầu đào tạo của người học:..... (4).....

.....

II. MÔ TẢ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

1. Mô tả ngành, nghề đào tạo:..... (5).....

2. Các đơn vị năng lực của ngành, nghề đào tạo:..... (6).....

3. Vị trí việc làm sau đào tạo

3.1. [Tên vị trí việc làm thứ nhất]

TT	Công việc	Phân tích công việc				
		Mô tả thực hiện công việc (7)	**Điều kiện thực hiện công việc (8)**	**Kiến thức cần có để thực hiện công việc (9)**	**Kỹ năng cần có để thực hiện công việc (10)**	**Thái độ cần có để thực hiện công việc (11)**
1	Công việc thứ nhất					
2	Công việc thứ hai					
...	Công việc thứ...					
...	Công việc thứ...					

3.2. [Tên vị trí việc làm thứ...]: Báo cáo các thông tin như mục 3.1 nêu trên.

Trên đây là bản luận cứ khoa học, mô tả ngành, nghề và phân tích công việc đối với ngành, nghề [tên ngành, nghề] trình độ.....(3).....

Nơi nhận:	(12)
-	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Ghi [trung cấp] hoặc [cao đẳng].

(4) Nêu khái quát, ngắn gọn về nhu cầu của người học đối với ngành, nghề đào tạo mới.

(5) Mô tả khái quát, ngắn gọn về phạm vi và các hoạt động chính; các vị trí việc làm phổ biến của ngành, nghề đào tạo mới.

(6) Xác định đầy đủ các đơn vị năng lực cho các vị trí việc làm.

(7) Mô tả khái quát công việc, bao gồm những nội dung, quy trình thực hiện công việc.

(8) Nêu các điều kiện để thực hiện công việc.

(9) Liệt kê những kiến thức cần có để thực hiện công việc.

(10) Liệt kê những kỹ năng cần có để thực hiện công việc.

(11) Liệt kê thái độ cần có để thực hiện công việc.

(12) Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng.

Mẫu số 02. Báo cáo tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

BÁO CÁO
Tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỰ CHỦ QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Cơ quan chủ quản:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính: ..... (3).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....

- Website:....., Email:.....

4. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (3).....

5. Quyết định thành lập: [số...../QĐ..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định đổi tên (nếu có): [số...../QĐ..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

7. Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

8. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp]. Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày.....

9. Quyết định thành lập hội đồng trường: [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

10. Quyết định ban hành quy chế tổ chức, hoạt động: [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức, hoạt động (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

11. Quy định quản lý nội bộ của cơ sở: Báo cáo theo từng quy định quản lý nội bộ.

[Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

12. Địa chỉ tra cứu các thông tin công khai:..... (4).....

Phần thứ hai
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỰ CHỦ QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

Mục I
THỰC TRẠNG CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỰ CHỦ QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tại trụ sở chính

TT	Tên công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ		
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh, sinh viên		
1	Hội trường		
2	Thư viện		
3	Ký túc xá		
4	Sân bóng đá		
5	Nhà để xe		
	...		
III	Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm		
1	Phòng học lý thuyết		
2	Phòng thí nghiệm		
3	Phòng, xưởng thực hành, thực tập		
4	Cơ sở sản xuất thử nghiệm		
...	....		
	TỔNG CỘNG		

2. Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có): Báo cáo các thông tin như mục 1 nêu trên tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo.

II. VỀ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÀ GIÁO

TT	Ban giám hiệu, ban giám đốc; phòng, khoa, tổ bộ môn	Số lượng cán bộ quản lý	Số lượng nhà giáo		Tổng cộng
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	
a	*b*	*c*	*d*	*e*	*g=c+d+e*
1	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), giám đốc, phó giám đốc (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp)				
2	Tên phòng, khoa thứ nhất (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), tên tổ bộ môn thứ nhất (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp)				

3	Tên phòng, khoa thứ hai (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), tên tổ bộ môn thứ hai (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp)				
...	...				
	TỔNG CỘNG				

Mục II
THỰC TRẠNG VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỰ CHỦ QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

A. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH

I. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:..... phòng (tổng diện tích:..... m^2);

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:..... phòng, xưởng (tổng diện tích:..... m^2).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:... phòng, cơ sở (tổng diện tích:... m^2).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng

- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (6)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (5)	Cơ sở có	

- [Tên phòng, xưởng thứ...]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

2. Đội ngũ nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo:..... người (tương đương..... nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:..... người.

- Nhà giáo thỉnh giảng:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (7)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (7)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

3. Chương trình đào tạo

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo] (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trích yếu của quyết định].

c) Đối tượng tuyển sinh:.....

d) Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

e) Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
I	**Các môn học chung**					
MH1	Giáo dục chính trị					
MH2	Pháp luật					
MH3	Giáo dục thể chất					

MH4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh					
MH5	Tin học					
MH6	Tiếng Anh					
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**					
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***					
II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***					
II.3	***Môn học, mô đun tự chọn***					
	TỔNG CỘNG					

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MĐ	**Tên mô đun**	**Số tín chỉ**	**Thời gian học tập (giờ)**			
			Tổng số	**Trong đó**		
				Lý thuyết	**Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận**	**Thi, kiểm tra**
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
...						
...						

4. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....

[...]. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI PHÂN HIỆU, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO (nếu có): Báo cáo tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo như Phần A.

Phần thứ ba
CAM KẾT CỦA [TRƯỜNG, TRUNG TÂM]

[Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập] cam kết những nội dung báo cáo nêu trên là chính xác các điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với từng ngành, nghề đào tạo của [trường, trung tâm]. Qua công tác hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện [trường, trung tâm] không đủ điều kiện tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định, [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập] hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người học.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(8)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(4) Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục nghề nghiệp dẫn trực tiếp đến thông tin công khai quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(5) Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành danh mục tối thiểu thì không phải báo cáo thông tin cột này.

(6) Trường hợp thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng chung trong giảng dạy của nhiều ngành, nghề thì ghi cụ thể tên ngành, nghề dùng chung.

(7) Ghi cụ thể trình độ chuyên môn của từng nhà giáo phù hợp với mô đun, môn học được phân công giảng dạy (ví dụ: TS. Chế tạo máy; Ths. Kế toán; ĐH. Công nghệ thông tin; CĐ. Kỹ thuật chế biến món ăn;...).

(8) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo.

Mẫu số 03. Quyết định tự chủ mở ngành, nghề đào tạo

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Tự chủ mở ngành, nghề đào tạo

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Căn cứ Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định];

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tự chủ mở ngành, nghề đào tạo như sau:

1. Tại trụ sở chính

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			

	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

2. Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(7).....

(ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			

II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

[...]. Thời gian thực hiện: Tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ.....

Điều........

.....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Bộ GDĐT (để b/c); (6)
- Sở GDĐT...(7)... (để b/c);
- Lưu: VT, (8) A.xx (9)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ban hành quyết định).

(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(6) Trường cao đẳng gửi quyết định tới Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

(7) Trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định tới Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(9) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04. Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....- ĐKHĐ	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(3).....

1. Tên cơ sở đăng ký:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....
- Website:....., Email:.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (4).....

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

5. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			

	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....

(báo cáo theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi**			

	theo mã cấp III)			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

6. .....(2)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(5)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.
(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu số 05. Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

BÁO CÁO
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tên cơ sở đăng ký:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....

- Website:....., Email:.....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (3).....

4. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

5. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

II. THỰC TRẠNG CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (4)

1. Cơ sở vật chất

1.1. Tại trụ sở chính

TT	Tên công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ		
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh, sinh viên		
1	Hội trường		
2	Thư viện		
3	Ký túc xá		
4	Sân bóng đá		
5	Nhà để xe		
	...		

III	Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm		
1	Phòng học lý thuyết		
2	Phòng thí nghiệm		
3	Phòng, xưởng thực hành, thực tập		
4	Cơ sở sản xuất thử nghiệm		
...	....		
	TỔNG CỘNG		

1.2. Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có): Báo cáo các thông tin như mục 1.1 nêu trên tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo

2. Về cán bộ quản lý, nhà giáo

TT	Ban giám hiệu, ban giám đốc; phòng, khoa, tổ bộ môn	Số lượng cán bộ quản lý	Số lượng nhà giáo		Tổng cộng
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	
a	*b*	*c*	*d*	*e*	*g=c+d+e*
1	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), giám đốc, phó giám đốc (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)				
2	Tên phòng, khoa thứ nhất (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), tên tổ bộ môn thứ nhất (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)				
3	Tên phòng, khoa thứ hai (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng), tên tổ bộ môn thứ hai (đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)				
...	...				
	TỔNG CỘNG				

Phần thứ hai
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

A. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH

I. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (5)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:..... phòng (tổng diện tích:..... m^2);

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:.... phòng, xưởng (tổng diện tích:... m^2).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:..... phòng, cơ sở (tổng diện tích:..... m^2).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (6)

- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở đăng ký hoạt động có	

- [Tên phòng, xưởng thứ...]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

2. Đội ngũ nhà giáo (9)

a) Tổng số nhà giáo:..... người (tương đương..... nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:..... người.

- Nhà giáo thỉnh giảng:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

3. Chương trình đào tạo (11)

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo] (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ sở ban hành, trích yếu của quyết định].

c) Đối tượng tuyển sinh:.....

d) Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

e) Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
I	**Các môn học chung**					
MH1	Giáo dục chính trị					
MH2	Pháp luật					
MH3	Giáo dục thể chất					
MH4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh					
MH5	Tin học					
MH6	Tiếng Anh					

II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**					
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***					
II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***					
II.3	***Môn học, mô đun tự chọn***					
	TỔNG CỘNG					

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MĐ	**Tên mô đun**	**Số tín chỉ**	**Thời gian học tập (giờ)**			
			Tổng số	**Trong đó**		
				Lý thuyết	**Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận**	**Thi, kiểm tra**
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
...						
...						

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....

.....

5. Đối với các ngành, nghề đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe

Báo cáo kèm hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu trong tổ chức đào tạo thực hành theo quy định gồm: Chương trình đào tạo thực hành, kế hoạch đào tạo thực hành, hợp đồng đào tạo thực hành.

[...]. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI PHÂN HIỆU, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO (nếu có): Báo cáo tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo như Phần A.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(12)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(4) Doanh nghiệp không phải báo cáo nội dung này.

(5) Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê, mua, chuyển nhượng về cơ sở vật chất.

+ Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì hợp đồng thuê phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

+ Trường hợp liên kết đào tạo thì hợp đồng liên kết đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên liên kết.

- Hình thức của văn bản:

+ Bản điện tử dưới dạng dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định. Cơ sở đăng ký phải bảo đảm bản điện tử như bản gốc và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ bản điện tử. Đồng thời, cơ sở đăng ký thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác văn thư.

+ Định dạng tệp (.pdf).

(6) Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo là một trong các tài liệu sau:

+ Biên bản kiểm kê tài sản của năm trước liền kề tính đến thời điểm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của cơ sở công lập.

+ Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu, hóa đơn tài chính.

+ Trường hợp thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo: Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo; biên bản bàn giao thiết bị, dụng cụ đào tạo. Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(7) Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành danh mục tối thiểu thì không phải báo cáo thông tin cột này.

(8) Trường hợp thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng chung trong giảng dạy của nhiều ngành, nghề thì ghi cụ thể tên ngành, nghề dùng chung.

(9) Hồ sơ chứng minh của nhà giáo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh của nhà giáo gồm:

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động đối với nhà giáo cơ hữu; hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo thỉnh giảng.

+ Văn bằng đào tạo chuyên môn.

+ Văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phù hợp với trình độ đào tạo được phân công giảng dạy.

+ Văn bằng, chứng chỉ chứng minh về trình độ kỹ năng nghề.

+ Văn bản xác nhận năng lực ngoại ngữ, tin học của nhà giáo tham gia giảng dạy.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(10) Ghi cụ thể trình độ chuyên môn của từng nhà giáo phù hợp với mô đun, môn học được phân công giảng dạy (ví dụ: TS. Chế tạo máy; Ths. Kế toán; ĐH. Công nghệ thông tin; CĐ. Kỹ thuật chế biến món ăn;...).

(11) Hồ sơ chứng minh về chương trình đào tạo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về chương trình đào tạo gồm:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

+ Chương trình đào tạo chi tiết.

- Hình thức của văn bản:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Văn bản giấy (bản được người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ký và đóng dấu).

+ Chương trình đào tạo chi tiết, chương trình đào tạo thực hành: Bản điện tử định dạng tệp (.doc) hoặc (.docx) hoặc (.pdf).

(12) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu số 06. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..(3)../..(4)../GCNĐKHĐ-..(5)..	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(6)..... CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....

Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			

II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(7).....

(ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			

II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp.

(2) Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(3) Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được lập liên tục theo thứ tự số tự nhiên từ nhỏ đến lớn theo từng năm từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

(4) Năm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(5) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(6) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp viết bằng chữ in hoa, kiểu chữ đậm.

(7) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

Mẫu số 07. Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....- ĐKBS	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(3).....

1. Tên cơ sở đăng ký bổ sung:..... (2).....

.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: ..... (4).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....
- Website:....., Email:.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (4).....

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

4. Nội dung đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

Lý do đăng ký bổ sung:..... (5).....

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			

	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (4).....

(ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

Lý do đăng ký bổ sung:..... (5).....

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			

II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

5.....(2)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Ghi lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(6) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu số 08. Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

BÁO CÁO
Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tên cơ sở đăng ký bổ sung:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....

- Website:....., Email:.....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (3).....

4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

5. Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Phần thứ hai
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

A. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH

I. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.....

..... (4).....

.....

.....

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (5)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:..... phòng (tổng diện tích:..... m^2);

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:.... phòng, xưởng (tổng diện tích:... m^2).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:..... phòng, cơ sở (tổng diện tích:..... m^2).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (6)

- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	

- [Tên phòng, xưởng thứ...]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

3. Đội ngũ nhà giáo (9)

a) Tổng số nhà giáo:..... người (tương đương..... nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:..... người.

- Nhà giáo thỉnh giảng:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm, tương đương..... nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

4. Chương trình đào tạo (11)

a) Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo] (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, tên cơ sở ban hành, trích yếu của quyết định].

c) Đối tượng tuyển sinh:.....

d) Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);...năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

e) Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
I	**Các môn học chung**					
MH1	Giáo dục chính trị					
MH2	Pháp luật					
MH3	Giáo dục thể chất					
MH4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh					
MH5	Tin học					
MH6	Tiếng Anh					
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**					
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***					
II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***					
II.3	***Môn học, mô đun tự chọn***					
	TỔNG CỘNG					

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, báo cáo theo mẫu sau:

Mã MĐ	Tên mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*
...						
...						

5. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....

.....

6. Đối với các ngành, nghề đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe

Báo cáo kèm hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu trong tổ chức đào tạo thực hành theo quy định gồm: Chương trình đào tạo thực hành, kế hoạch đào tạo thực hành, hợp đồng đào tạo thực hành.

[...]. [Tên ngành, nghề đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI PHÂN HIỆU, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO (nếu có): Báo cáo tại từng phân hiệu, địa điểm đào tạo như Phần A.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(12)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(4) Ghi lý do đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(5) Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê, mua, chuyển nhượng về cơ sở vật chất.

+ Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì hợp đồng thuê phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

+ Trường hợp liên kết đào tạo thì hợp đồng liên kết đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên liên kết.

- Hình thức của văn bản:

+ Bản điện tử dưới dạng dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định. Cơ sở đăng ký phải bảo đảm bản điện tử như bản gốc và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ bản điện tử. Đồng thời, cơ sở đăng ký bổ sung thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác văn thư.

+ Định dạng tệp (.pdf).

(6) Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo là một trong các tài liệu sau:

+ Biên bản kiểm kê tài sản của năm trước liền kề tính đến thời điểm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của cơ sở công lập.

+ Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu, hóa đơn tài chính.

+ Trường hợp thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo: Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo; biên bản bàn giao thiết bị, dụng cụ đào tạo. Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất là 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(7) Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo tối thiểu theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành danh mục tối thiểu thì không phải báo cáo thông tin cột này.

(8) Trường hợp thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng chung trong giảng dạy của nhiều ngành, nghề thì ghi cụ thể tên ngành, nghề dùng chung.

(9) Hồ sơ chứng minh của nhà giáo:

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh của nhà giáo gồm:

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động đối với nhà giáo cơ hữu; hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo thỉnh giảng.

+ Văn bằng đào tạo chuyên môn.

+ Văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phù hợp với trình độ đào tạo được phân công giảng dạy.

+ Văn bằng, chứng chỉ chứng minh về trình độ kỹ năng nghề.

+ Văn bản xác nhận năng lực ngoại ngữ, tin học của nhà giáo tham gia giảng dạy.

- Hình thức của văn bản: Như mục (5) nêu trên.

(10) Ghi cụ thể trình độ chuyên môn của từng nhà giáo phù hợp với mô đun, môn học được phân công giảng dạy (ví dụ: TS. Chế tạo máy; Ths. Kế toán; ĐH. Công nghệ thông tin; CĐ. Kỹ thuật chế biến món ăn;...).

(11) Hồ sơ chứng minh về chương trình đào tạo

- Loại văn bản: Hồ sơ chứng minh về chương trình đào tạo gồm:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

+ Chương trình đào tạo chi tiết.

- Hình thức của văn bản:

+ Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Văn bản giấy (bản được người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ký và đóng dấu).

+ Chương trình đào tạo chi tiết, chương trình đào tạo thực hành: Bản điện tử định dạng tệp (.doc) hoặc (.docx) hoặc (.pdf).

(12) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu số 09. Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..(3)../..(4)../GCNĐKBS-..(5)..	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

.....(6)..... CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

2. Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			

II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....(7).....
(ghi theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			

	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
II	**Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)**			
1	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
2	Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV)			
	Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp)			
...	...			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất**			
[...]	**Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...**			

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Cục Giáo dục nghề nghiệp cấp và Giáo dục thường xuyên cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp.

(2) Cục Giáo dục nghề nghiệp cấp và Giáo dục thường xuyên hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(3) Theo số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp cộng với chữ cái theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

(4) Năm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(5) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(6) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp viết bằng chữ in hoa, kiểu chữ đậm

(7) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

Phụ lục VIII

MẪU QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp.....(2).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (3)

Căn cứ..... (4).....;

Căn cứ..... (5).....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (6).....

1. Lý do đình chỉ: .....

2. Thời hạn đình chỉ:.....

3. Biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học:.....

4. Biện pháp bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động:

.....

5. .....

Điều... ....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... ....

.....

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT, (7) A.xx (8).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(2) Tên cơ sở bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ban hành quyết định).

(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(6) Nội dung quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục IX

(Kèm theo Nghị định số 142 /2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu 1A	Văn bản đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 1B	Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 1C	Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2A	Quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2B	Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2C	Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2D	Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2E	Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2G	Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2H	Văn bản đề nghị cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2I	Quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 3A	Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3B	Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3C	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3D	Báo cáo các điều kiện bảo đảm tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3E	Quyết định tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 4A	Quyết định đình chỉ, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 5E	Văn bản đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận

Mẫu 1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

Kính gửi:.....(1).....
V/v đề nghị cho phép thành lập..... (2).....

1. Họ và tên người đại diện tổ chức đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu.....; ngày, tháng cấp, nơi cấp:.....

Nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam (nếu có):.....

2. Lý do đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

.....

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập:

Số Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.... ngày... tháng... năm...., cơ quan cấp:

Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dự kiến thành lập:.....(3).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4).....

Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có):.....(5).....

Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có):..... Email:.....

4. Chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

5. Ngành, nghề đào tạo và trình độ đào tạo:.....

a) Tại trụ sở chính

b) Tại phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có ghi riêng cho từng phân hiệu/địa điểm đào tạo)

6. Diện tích đất sử dụng:..... Diện tích xây dựng.....

7. Vốn đầu tư:.....

8. Thời hạn hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

(Kèm theo đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Tôi xin chấp hành đúng những quy định về giáo dục nghề nghiệp và pháp luật có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

Đề nghị.....(6)..... xem xét, quyết định.

(7)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

---

(1), (6): Ghi tên đầy đủ của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(2), (3): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập (ví dụ: Trường Cao đẳng A, Trường Trung cấp B, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp C).

(4): Ghi địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập.

(5): Ghi địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng hoặc địa điểm đào tạo (nếu có) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập.

(7): Chức danh người đứng đầu tổ chức đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu 1B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20....

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP.....(1).....

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP....(2).....

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

2. Thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

3. Thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

4. Nhu cầu đào tạo.....(3)..... trên địa bàn (hoặc lĩnh vực) và các tỉnh lân cận.

5. Quá trình hình thành và phát triển (chỉ áp dụng đối với trường hợp nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp):

a) Sơ lược quá trình hình thành và phát triển.

b) Về cơ sở vật chất.

c) Về thiết bị đào tạo.

d) Về đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý.

đ) Về chương trình, giáo trình, đào tạo.

e) Về kinh phí hoạt động.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA.....(4).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ...(5)... ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Tên:.....(6).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....(7).....

3. Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có):.....

4. Số điện thoại:..... Fax:..... Website:..... Email:.....

5. Đơn vị quản lý trực tiếp (nếu có):.....

6. Họ và tên người dự kiến làm Hiệu trưởng trường/Giám đốc trung tâm:

.....

(Có sơ yếu lý lịch kèm theo)

- Chức năng, nhiệm vụ của trường/trung tâm:.....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể: Tên ngành, nghề, quy mô đào tạo, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo tại trụ sở chính và từng phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có).

a) Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Cao đẳng (8)**						
1							
2							
...	.....						
II	**Trung cấp (9)**						
1							
2							
...	.....						
III	**Sơ cấp (10)**						
1							
2							
...	.....						
IV	**Tổng cộng**						

b) Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Cao đẳng (11)**						
1							
2							
...	.....						
II	**Trung cấp (12)**						
1							
2							
...	.....						
III	**Sơ cấp (13)**						
1							
2							
...	.....						
IV	**Tổng cộng**						

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG/TRƯỜNG TRUNG CẤP/TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ cấu tổ chức (phòng, khoa, bộ môn, các đơn vị phục vụ đào tạo....)

2. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức thuộc trường/trung tâm.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường/Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất:

- Diện tích đất sử dụng:

+ Đất xây dựng:

+ Đất lưu không:

- Diện tích xây dựng:

+ Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành.

+ Khu phục vụ: Thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...

+ Các hạng mục khác...

b) Danh mục thiết bị, dụng cụ, phương tiện đào tạo theo từng ngành, nghề (tên, số lượng, năm sản xuất...).

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo.

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn (14);

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được cho phép thành lập.

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, giáo trình.

5. Tổng hợp kế hoạch, tiến độ sử dụng nguồn vốn để thực hiện từng nội dung trên.

Phần thứ tư
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(15)	(16)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

---

(1), (2), (4), (5), (6): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập như: Trường Cao đẳng A, Trường Trung cấp B, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp C.

(3): Đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trường cao đẳng ghi "trình độ cao đẳng hoặc/và trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp"; đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp ghi "trình độ trung cấp hoặc/và trình độ sơ cấp"; đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp ghi "trình độ sơ cấp".

(7): Ghi địa điểm nơi dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập (phường/xã, tỉnh/thành phố).

(8), (11): Trường cao đẳng điền thông tin vào nội dung này.

(9), (12): Trường cao đẳng (nếu dự kiến tổ chức đào tạo trình độ trung cấp), trường trung cấp điền thông tin vào nội dung này.

(10), (13): Trường cao đẳng, trường trung cấp (nếu dự kiến tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp), trung tâm giáo dục nghề nghiệp điền thông tin vào nội dung này.

(14): Hồ sơ chứng minh về nguồn vốn là văn bản xác nhận của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng về nguồn vốn để đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục.

(15): Phê duyệt của người đứng đầu tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(16): Người đứng đầu tổ chức lập đề án.

Mẫu 1C

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép thành lập.....(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6).....

Căn cứ..... *(7)*..... ;

Căn cứ..... *(8)*..... ;

Xét đề nghị của..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9).....

.....

Điều... ..... .

..... ./.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
-.....;
- Lưu: VT,.... (11) A.xx (12)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(2) Số văn bản.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Trích yếu nội dung quyết định: cho phép thành lập (phân hiệu) "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".

(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).

(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(9) Nội dung quyết định: cho phép thành lập (phân hiệu) cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(10) Quyền hạn, chức vụ của người ký.

(11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(12) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 2A

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc.....(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6).....

Căn cứ ..... *(7)*..... ;

Căn cứ..... *(8)*..... ;

Xét đề nghị của..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9).....

.....

Điều... ..... .

..... ./.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**(10)
- Như Điều...;	*(Chữ ký, dấu)*
-.....;	
- Lưu: VT,.... (11) A.xx (12)	**Họ và tên**

(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(2) Số văn bản.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Trích yếu nội dung quyết định: chia, tách, sáp nhập, đổi tên "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".

(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).

(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(9) Nội dung quyết định: chia, tách, sáp nhập, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(10) Quyền hạn, chức vụ của người ký.

(11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(12) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 2B

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép giải thể.....(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(6).....

Căn cứ ..... (7)..... ;

Căn cứ..... (8)..... ;

Xét đề nghị của..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9).....

..... (10).....

Điều... ..... .

..... ./.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (11)
- Như Điều...;	*(Chữ ký, dấu)*
-.....;	
- Lưu: VT,.... (12) A.xx (13)	**Họ và tên**

(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(2) Số văn bản.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Trích yếu nội dung quyết định: cho phép giải thể + "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".

(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).

(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(9) Nội dung quyết định: giải thể + tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(10) Nêu rõ lý do giải thể; các biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; phương án giải quyết tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

(11) Quyền hạn, chức vụ của người ký.

(12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(13) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 2C. Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*
V/v đề nghị.....(2).....	

Kính gửi:.....(3).....

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

2. Lý do, mục đích chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp chia, tách

a) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp trước khi chia, tách:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

b) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ nhất sau khi chia, tách

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

- Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:.....

n) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ... sau khi chia, tách: Báo cáo các thông tin như mục b nêu trên

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sáp nhập

a) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ nhất trước khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ... trước khi sáp nhập: Báo cáo các thông tin như mục a nêu trên

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi sáp nhập

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Chức năng, nhiệm vụ:.....
- Dự kiến ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:.....

.....

(kèm theo Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Đề nghị..... (3)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
-....
-.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (5)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không ghi nội dung ở mục này.

(2) Ghi rõ đề nghị chia hoặc tách hoặc sáp nhập.

(3) Người có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

Mẫu 2D. Đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN.....(1).....

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI CHIA, TÁCH

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
- Thuộc:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....
- Tên phân hiệu (nếu có):.....
- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (2).....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....
- Quyết định cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].
- Quyết định cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].
- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].
- Chức năng, nhiệm vụ:.....
- Ngành, nghề đào tạo; trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh:

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1				
2				
3				
4				
5				

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3. Cơ cấu tổ chức

4. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

5. Kết quả đào tạo trong 03 năm gần nhất (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

6. Ngành, nghề, số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

7. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, tài chính, tài sản

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo các thông tin sau:

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

A. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỨ NHẤT (Báo cáo các thông tin như tại Phần I nêu trên)

[...]. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỨ... (Báo cáo thông tin của từng cơ sở trước khi sáp nhập như tại Phần I nêu trên)

II. [Tên của phần]

.....

.....

[...]. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

1. Sự cần thiết

2. Cơ sở pháp lý

3. Nguyên tắc chia, tách, sáp nhập

II. PHƯƠNG ÁN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

1. Phạm vi, đối tượng chia, tách, sáp nhập

2. Phương án chia, tách, sáp nhập

a) Về tổ chức, nhân sự

- Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

.....

-.....

.....

b) Về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, đất đai:.....

c) Về tổ chức đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên

- Tổ chức đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên:.....

.....

- Phương án bảo đảm quyền lợi của học sinh, sinh viên:.....

.....

-.....

.....

d) Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng chia, tách, sáp nhập

3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp

Phần thứ ba
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP SAU KHI CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP

(Báo cáo về từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi chia, tách, sáp nhập)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (2).....

3. Tên phân hiệu (nếu có):.....

4. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (2).....

5. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có):..... Email:.....

6. Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

7. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng trường, giám đốc trung tâm:.....

.....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

.....

.....

III. DỰ KIẾN NGÀNH, NGHỀ, TRÌNH ĐỘ VÀ QUY MÔ *(Báo cáo riêng tại trụ sở chính và từng phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có))*

1. Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (3)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							

2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

2. Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo (3)	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Trình độ cao đẳng**						
1							
2							
	...						
II	**Trình độ trung cấp**						
1							
2							
	...						
III	**Trình độ sơ cấp**						
1							
2							
	...						
	TỔNG CỘNG						

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

.....

.....

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường; giám đốc, phó giám đốc trung tâm

.....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị, tổ chức thuộc trường, trung tâm

.....

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất sử dụng:..... m^2, gồm:

a) Diện tích đất khu vực đô thị:..... m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

b) Diện tích đất khu vực ngoài đô thị:.....m^2, trong đó:

- Diện tích đất xây dựng khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành:..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng khu phục vụ (thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

- Diện tích đất xây dựng các hạng mục khác (ghi tên từng hạng mục và diện tích tương ứng):..... m^2; diện tích xây dựng..... m^2.

c) Diện tích đất quy đổi:.....m^2 đất khu vực đô thị hoặc..... m^2 đất khu vực ngoài đô thị.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp dự kiến đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo (4)

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn: Ghi rõ từng nguồn vốn bảo đảm hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và số vốn tương ứng với từng nguồn.

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mua sắm thiết bị, dụng cụ đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (5)

.....

.....

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (6)

.....

.....

.....

Phần thứ năm
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(8)	(7)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi [chia, tách, sáp nhập] + [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị chia, tách, sáp nhập].

(2) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(3) Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; trường trung cấp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp.

(4) Tương ứng với mỗi ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo báo cáo các nội dung sau:

- Về chương trình đào tạo

+ Tên chương trình đào tạo (ví dụ: Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng; Chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp; Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn trình độ sơ cấp).

+ Hình thức đào tạo: [Chính quy, thường xuyên].

+ Đối tượng tuyển sinh.

+ Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

+ Mục tiêu đào tạo.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa:..... giờ (..... tín chỉ).

+ Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học.

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy.

(5) Nêu rõ tiến độ, thời gian tổ chức thực hiện đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(6) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của các đơn vị có liên quan.

(7) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phải đóng dấu.

(8) Chức danh người đứng đầu tổ chức quản lý trực tiếp.

Mẫu 2E. Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-.....	_____
V/v đề nghị.....(2).....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(3).....

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.....

.....

2. Đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài], chấm dứt hoạt động [tên phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài]

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị giải thể, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị chấm dứt hoạt động

a) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

b) Địa chỉ trụ sở chính:.....

c) Tên phân hiệu:.....

d) Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): .....

đ) Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

e) Quyết định cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

g) Quyết định cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

4. Lý do giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.....

5. Phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

a) Phương án giải quyết tài sản.

b) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

d) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

[...]).....

.....

.....

Đề nghị..... (3)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(4)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không ghi nội dung ở mục này.

(2) Ghi rõ đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài] hoặc chấm dứt hoạt động phân hiệu của [tên trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài].

(3) Người có thẩm quyền giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.

(4) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải đóng dấu.

Mẫu 2G. Đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐỀ ÁN
GIẢI THỂ [TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI], CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA [TÊN TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI]

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (1).....

3. Tên phân hiệu (nếu có):.....

4. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (1).....

5. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

6. Quyết định cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

7. Quyết định cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

8. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

9. Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

10. Chức năng, nhiệm vụ:.....

.....

.....

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, chất lượng (trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề) của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Kết quả đào tạo trong 03 năm gần nhất (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

4. Ngành, nghề, số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo (báo cáo theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo)

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, tài chính, tài sản

6......

.....

.....

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ [TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI], CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA [TÊN TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI]

I. Lý do giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

II. Phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

1. Phương án giải quyết tài sản.

2. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

3. Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

4. Thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

[...].....

.....

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (2)

.....

.....

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN (3)

.....

.....

(5)	(4)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(2) Nêu rõ tiến độ, thời gian thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.

(3) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài của các đơn vị có liên quan.

(4) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải đóng dấu.

(5) Chức danh người đứng đầu tổ chức quản lý trực tiếp.

Mẫu 2H. Văn bản đề nghị cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /.....-.....	———
V/v đề nghị cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(2).....

[Tên tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài] đề nghị.....(2)..... xem xét, quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện tại

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi đổi tên

Tên bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

3. Lý do đề nghị cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

.....

4. Đánh giá tác động của việc đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và các bên liên quan:.....

.....

5. Các giải pháp xử lý rủi ro sau khi thực hiện đổi tên (nếu có):.....

.....

Việc đổi tên không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đề nghị.....(2)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (3)
-	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
-	

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì không ghi nội dung ở mục này.

(2) Người có thẩm quyền cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(3) Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải đóng dấu.

Mẫu 2I. Quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép đổi tên.....(2)..... thành.....(3).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(4).....

Căn cứ..... (5).....;

Căn cứ..... (6).....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... của [tên cơ quan ban hành quyết định] về việc cho phép thành lập [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài];

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... của [tên cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (nếu có)];

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên..... (2).....

thành.....(3).....

Điều.....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như Điều...;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- .....;	
- Lưu: VT, (7) A.xx (8).	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước khi đổi tên.

(3) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi đổi tên.

(4) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(5) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản đổi tên, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định).

(6) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 3A. Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....-ĐKHĐLK	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(3).....

I. Thông tin về cơ sở Việt Nam đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Tên cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài:.....
..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (4).....

4. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

5. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

6. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

7. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp]. Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày.....

II. Nội dung đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Thông tin về cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài

a) Tên cơ sở:..... (5).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

b) Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

c) Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):..... (4).....

d) Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

đ) Văn bản pháp lý về việc thành lập, giấy phép hoạt động: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

e) Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc giấy tờ công nhận chất lượng: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, trích yếu của văn bản]. Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ công nhận chất lượng có giá trị đến ngày.....

2. Thông tin về thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo

a) Thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo: [Tên loại văn bản, ngày, tháng, năm ký thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo, trích yếu hoặc nội dung của văn bản]. Thời hạn của thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Từ ngày..... đến ngày.....

b) Trường hợp có sửa đổi hoặc gia hạn thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Báo cáo các thông tin như nội dung tại mục a.

3. Nội dung liên kết đào tạo

a) Tại địa điểm thứ nhất:..... (4).....

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề (6)	Trình độ đào tạo (7)	Văn bằng, chứng chỉ	Quy mô tuyển sinh/năm

[...]) Tại địa điểm thứ..... (4).....

(báo cáo các thông tin như tại địa điểm thứ nhất).

.....(2)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(8)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Tên cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài.

(6) Trường hợp cấp văn bằng của Việt Nam thì ghi mã ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo quy định của Việt Nam.

(7) Theo các trình độ giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

(8) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

Mẫu 3B. Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

BÁO CÁO
Đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VIỆT NAM ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Tên cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài:.....
..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (3).....

4. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

5. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

6. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

7. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp]. Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày.....

II. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NƯỚC NGOÀI

1. Tên cơ sở:..... (4).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (3).....

4. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

5. Văn bản pháp lý về việc thành lập, giấy phép hoạt động: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

6. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc giấy tờ công nhận chất lượng: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, trích yếu của văn bản]. Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ công nhận chất lượng có giá trị đến ngày.....

III. THÔNG TIN VỀ THỎA THUẬN HỢP TÁC HOẶC HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

1. Thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo: [Tên loại văn bản, ngày, tháng, năm ký thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo, trích yếu hoặc nội dung của văn bản]. Thời hạn của thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Từ ngày..... đến ngày.....

2. Trường hợp có sửa đổi hoặc gia hạn thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Báo cáo các thông tin như nội dung tại mục 1.

Phần thứ hai
NỘI DUNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

I. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ NHẤT (3)

1. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

a) Mục tiêu liên kết đào tạo.

b) Hình thức liên kết đào tạo (5).

c) Đối tượng tuyển sinh.

d) Ngôn ngữ giảng dạy và học tập.

đ) Cam kết chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

e) Mức học phí dự kiến và các khoản phải đóng của người học.

g) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học sau khi tốt nghiệp.

h) Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên tham gia liên kết.

[...]. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục 1 Phần I.

[...]. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ..... (3): Báo cáo tại từng địa điểm đào tạo như Phần I. Trường hợp ngành, nghề đào tạo theo từng trình độ đào tạo trùng với ngành, nghề đào tạo tại địa điểm đã báo cáo thì chỉ báo cáo quy mô tuyển sinh/năm tương ứng tại từng địa điểm.

Phần thứ ba
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

A. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ NHẤT (3)

I. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có).

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:..... phòng (tổng diện tích:..... m^2).

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:... phòng, xưởng (tổng diện tích:.... m^2).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:..... phòng, cơ sở (tổng diện tích:..... m^2).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7)

- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng

- [Tên phòng, xưởng thứ....]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định.

b) Tổng số nhà giáo:..... người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:..... người.

- Nhà giáo thỉnh giảng:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo].

- Đối tượng tuyển sinh:.....

- Thời gian đào tạo:.... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....

.....

.....

[...]. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:.... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ...: Báo cáo tại từng địa điểm như Phần A.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(10)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở Việt Nam đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, thành phố/tỉnh.

(4) Tên cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài.

(5) Ghi hình thức liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(6) Hồ sơ minh chứng về cơ sở vật chất là bản sao (không cần chứng thực) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê, mua, chuyển nhượng địa điểm, cơ sở vật chất.

Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì hợp đồng thuê phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

(7) Hồ sơ chứng minh về thiết bị đào tạo là bản sao (không cần chứng thực) một trong các tài liệu sau:

- Biên bản kiểm kê tài sản của năm trước liền kề tính đến thời điểm gửi hồ sơ đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài.

- Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu, hóa đơn tài chính.

- Trường hợp thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo: Hợp đồng thuê thiết bị, dụng cụ đào tạo; biên bản bàn giao thiết bị, dụng cụ đào tạo. Hợp đồng thuê phải còn thời hạn ít nhất là 05 năm đối với trường trung cấp, trường cao đẳng; còn thời hạn ít nhất 02 năm đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.

(8) Hồ sơ chứng minh với mỗi nhà giáo là bản sao (không cần chứng thực) gồm:

- Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động đối với nhà giáo cơ hữu; hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo thỉnh giảng.

- Văn bằng đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề.

(9) Hồ sơ chứng minh chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chi tiết.

(10) Chức danh người đứng đầu cơ sở Việt Nam đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

Mẫu 3C. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../GCNĐKHĐLK-..(3)..	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(2)..... CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Website:.....Email:.....

Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....

Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

2. Tên cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):.....

Văn bản pháp lý về việc thành lập, giấy phép hoạt động: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng văn bản].

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc giấy tờ công nhận chất lượng: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, trích yếu của văn bản]. Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ công nhận chất lượng có giá trị đến ngày.....

3. Hai bên được hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài như sau:

a) Tại địa điểm thứ nhất: ..... (4).....

- Ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh/năm

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề (5)	Trình độ đào tạo (6)	Văn bằng, chứng chỉ	Quy mô tuyển sinh/năm

- Hình thức liên kết đào tạo:.....
- Đối tượng tuyển sinh:.....
- Hình thức đào tạo:.....
- Ngôn ngữ giảng dạy và học tập:.....
- Cam kết chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ:.....
- Thời gian và chương trình đào tạo:.....

[...]) Tại địa điểm thứ...:..... (4).....

(các nội dung như tại địa điểm thứ nhất)

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài do Cục Giáo dục nghề nghiệp cấp và Giáo dục thường xuyên cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp.

(2) Cục Giáo dục nghề nghiệp cấp và Giáo dục thường xuyên hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(3) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Trường hợp cấp văn bằng của Việt Nam thì ghi mã ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo quy định của Việt Nam.

(6) Theo các trình độ giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

Mẫu 3D. Báo cáo tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

BÁO CÁO
Tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỰ CHỦ QUYẾT ĐỊNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Cơ quan chủ quản:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

- Số điện thoại:....., Fax:.....

- Website:....., Email:.....

4. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có):..... (3).....

5. Quyết định thành lập: [số.../QĐ..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định đổi tên (nếu có): [số...../QĐ..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

7. Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

8. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp [số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp]. Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày.....

9. Quyết định thành lập hội đồng trường: [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

10. Quyết định ban hành quy chế tổ chức, hoạt động: [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức, hoạt động (nếu có): [số hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

11. Quy định quản lý nội bộ của cơ sở: Báo cáo theo từng quy định quản lý nội bộ.

[Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

12. Địa chỉ tra cứu các thông tin công khai:..... (4).....

II. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NƯỚC NGOÀI

1. Tên cơ sở:..... (5).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (3).....

3. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (3).....

4. Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

5. Văn bản pháp lý về việc thành lập, giấy phép hoạt động: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

6. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc giấy tờ công nhận chất lượng: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, trích yếu của văn bản]. Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ công nhận chất lượng có giá trị đến ngày.....

III. THÔNG TIN VỀ THỎA THUẬN HỢP TÁC HOẶC HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

1. Thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo: [Tên loại văn bản, ngày, tháng, năm ký thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo, trích yếu hoặc nội dung của văn bản]. Thời hạn của thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Từ ngày..... đến ngày.....

2. Trường hợp có sửa đổi hoặc gia hạn thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo: Báo cáo các thông tin như nội dung tại mục 1.

Phần thứ hai
NỘI DUNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

I. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ NHẤT (3)

1. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

a) Mục tiêu liên kết đào tạo.

b) Hình thức liên kết đào tạo (6).

c) Đối tượng tuyển sinh.

d) Ngôn ngữ giảng dạy và học tập.

đ) Cam kết chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

e) Mức học phí dự kiến và các khoản phải đóng của người học.

g) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học sau khi tốt nghiệp.

h) Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên tham gia liên kết.

[...]. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục 1 Phần I.

[...]. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ..... (3): Báo cáo tại từng địa điểm đào tạo như Phần I. Trường hợp ngành, nghề đào tạo theo từng trình độ đào tạo trùng với ngành, nghề đào tạo tại địa điểm đã báo cáo thì chỉ báo cáo quy mô tuyển sinh/năm tương ứng tại từng địa điểm.

Phần thứ ba
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

A. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ NHẤT (3)

I. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ nhất] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:..... học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có).

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy.

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn:..... phòng (tổng diện tích:..... m^2).

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập:.... phòng, xưởng (tổng diện tích:... m^2).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm:..... phòng, cơ sở (tổng diện tích:..... m^2).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng.

- [Tên phòng, xưởng thứ nhất].

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng

- [Tên phòng, xưởng thứ.....]: Báo cáo các thông tin như phòng, xưởng thứ nhất.

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài.

2. Đội ngũ nhà giáo

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định.

b) Tổng số nhà giáo:..... người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu:..... người.

- Nhà giáo thỉnh giảng:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:..... người (tổng số giờ giảng dạy/năm:..... giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi:..... học sinh, sinh viên/nhà giáo.

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo [tên ngành, nghề] + [trình độ đào tạo].

- Đối tượng tuyển sinh:.....

- Thời gian đào tạo:..... tháng (đối với đào tạo trình độ sơ cấp);... năm học (đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học:.....

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

.....

.....

[...]. [Tên ngành, nghề liên kết đào tạo thứ...] + [trình độ đào tạo]; quy mô tuyển sinh/năm:.... học sinh, sinh viên: Báo cáo các thông tin như mục I phần này.

B. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ...: Báo cáo tại từng địa điểm như Phần A.

Phần thứ tư
CAM KẾT CỦA [TRƯỜNG, TRUNG TÂM]

[Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập] cam kết những nội dung báo cáo nêu trên là chính xác các điều kiện bảo đảm hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với từng ngành, nghề đào tạo của [trường, trung tâm]. Qua công tác hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện [trường, trung tâm] không đủ điều kiện tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định, [tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập] hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và người học.

Nơi nhận:
-....
-.....

(7)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của Việt Nam.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của Việt Nam.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(4) Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục nghề nghiệp dẫn trực tiếp đến thông tin công khai theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(5) Tên cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài.

(6) Ghi hình thức liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

(7) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ quyết định liên kết đào tạo với nước ngoài.

Mẫu 3E. Quyết định tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ ..... (4).....;

Căn cứ ..... (5).....;

Căn cứ Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cơ quan có thẩm quyền: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định];

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài như sau (6):

1. Thông tin về cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài:

a) Tên cơ sở:..... (7).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

b) Địa chỉ trụ sở chính:..... (8).....

c) Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có): ..... (8).....

d) Số điện thoại:....., Fax:.....

Website:....., Email:.....

2. Nội dung tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài:

a) Tại địa điểm thứ nhất:..... (8).....

- Ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy mô tuyển sinh/năm

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề (9)	Trình độ đào tạo (10)	Văn bằng, chứng chỉ	Quy mô tuyển sinh/năm

- Hình thức liên kết đào tạo:.....

- Đối tượng tuyển sinh:.....

- Hình thức đào tạo:.....
- Ngôn ngữ giảng dạy và học tập:.....
- Cam kết chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ:.....
- Thời gian và chương trình đào tạo:.....

[...]) Tại địa điểm thứ...:..... (8).....

(các nội dung như tại địa điểm thứ nhất).

3. Thời gian thực hiện: Tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ.....

Điều.....

.....

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều... .....

.....

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Bộ GDĐT (để b/c); (11)
- Sở GDĐT...(12)... (để b/c);
- Lưu: VT, (13) A.xx (14)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(2) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ban hành quyết định).

(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(6) Quyết định riêng theo từng cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài.

(7) Tên cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài.

(8) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(9) Trường hợp cấp văn bằng của Việt Nam thì ghi mã ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo quy định của Việt Nam.

(10) Theo các trình độ giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

(11) Trường cao đẳng gửi quyết định tới Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quản lý.

(12) Trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định tới Sở Giáo dục và Đào tạo nơi tổ chức hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài để theo dõi, quản lý.

(13) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(14) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 4A

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (3) /QĐ-....(4)...	*.... (5).... , ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc..... (6).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (7).....

Căn cứ..... *(8)*..... ;

Căn cứ..... *(9)*..... ;

Xét đề nghị của..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (10).....

.....

Điều... ..... .

..... ./.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT,.... (12) A.xx (13)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (11)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(3) Số văn bản.

(4) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(5) Địa danh.

(6) Trích yếu nội dung quyết định: đình chỉ, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo.

(7) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(8) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).

(9) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(10) Nội dung quyết định: nội dung liên kết, lý do, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động.

(11) Quyền hạn, chức vụ của người ký.

(12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(13) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 5E. Văn bản đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....-.....	
V/v đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	*....., ngày... tháng... năm 20.....*

Kính gửi:.....(2).....

I. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....(1).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....(3).....

3. Tên phân hiệu (nếu có):.....

4. Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có):.....(3).....

5. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

6. Quyết định cho phép thành lập: [Quyết định số...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

Quyết định cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

7. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

8. Chức năng, nhiệm vụ, ngành, nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh:.....

.....

.....

II. Nội dung

1. Đề nghị công nhận.....(1)..... là cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động không vì lợi nhuận:

a) Tôn chỉ, mục đích hoạt động

b) Vốn góp, tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

[...]).....

.....

2. Tóm tắt quá trình.....(1)..... chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

3. Cam kết hoạt động không vì lợi nhuận.....

[...]) .....

.....

(Hồ sơ kèm theo)

Đề nghị..... (2)..... xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- ....
- .....

(4)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

(2) Người có thẩm quyền công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

(3) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(4) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục mầm non và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền về giáo dục mầm non.

2. Bảo đảm phân quyền, phân cấp, phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục mầm non.

3. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực giáo dục mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để bổ sung thông tin vào hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu mà thông tin đã được khai thác trong các cơ sở dữ liệu; trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 5. Tổ chức thực hiện các quy định về Điều lệ Trường mầm non

1. Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện và tên đơn vị cấp huyện", "Phòng Giáo dục và Đào tạo", "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng

"Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 5, khoản 1 Điều 6 Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT).

2. Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng "Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 1 Điều 6, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT.

Điều 6. Tổ chức thực hiện về tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục

1. Thẩm quyền hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn, tổ chức thực hiện chuyên môn đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 22 Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 21, tên Điều 22; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Sở Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 1 Điều 23; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 7 Điều 22 và khoản 4 Điều 23 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bỏ cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện và" tại khoản 8 Điều 22 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT.

Điều 7. Tổ chức thực hiện quy định lựa chọn đồ chơi học liệu được sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non

Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 8. Tổ chức thực hiện quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non

Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 9. Tổ chức thực hiện quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non

Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 10. Tổ chức thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo

1. Thẩm quyền hướng dẫn Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo quy định tại khoản 3 Mục VII Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo ban hành kèm theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Thay thế thẩm quyền hoặc cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 3 Mục VII Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non

Thẩm quyền hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục mầm non quy định tại khoản 1 Phần Bốn của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 20029 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng

3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Giáo dục mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, GDMN, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục phổ thông và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức

Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền về giáo dục phổ thông.

2. Bảo đảm phân quyền, phân cấp, phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông.

3. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực giáo dục mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để bổ sung thông tin vào hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu mà thông tin đã được khai thác trong các cơ sở dữ liệu; trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 5. Tổ chức thực hiện quy định về chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở

1. Thẩm quyền cấp giấy giới thiệu chuyển trường đối với cấp trung học cơ sở tại điểm f khoản 1 Điều 5 Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết

định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi thực hiện.

2. Thẩm quyền tiếp nhận, giới thiệu về trường nơi cư trú, kiểm tra hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã trường nơi đến thực hiện.

3. Thẩm quyền xem xét, quyết định trường hợp ngoại lệ về thời gian chuyển trường đối với cấp trung học cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến thực hiện.

4. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại điểm c khoản 2 Điều 21 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT.

Điều 6. Tổ chức thực hiện quy định về giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn quy định tại khoản 2 Điều 23 tại Quy định giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ban hành kèm theo Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện quy định về chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí

Thẩm quyền quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật tại các gạch đầu dòng thứ nhất và thứ ba điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện quy định về đánh giá học sinh phổ thông

1. Thẩm quyền chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền chỉ đạo hiệu trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục và theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Thẩm quyền chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ học sinh; hướng dẫn sử dụng dạng hồ sơ điện tử; kiểm tra, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông (sau đây gọi là Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Thay thế cụm từ "bệnh viện từ cấp huyện trở lên" bằng cụm từ "cơ sở y tế có thẩm quyền" tại khoản 2 Điều 10; thay thế cụm từ "Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố" bằng cụm từ "Xã/phường/đặc khu" và bỏ cụm từ "Xã (phường, thị trấn):" tại các phụ lục kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT.

Điều 9. Tổ chức thực hiện quy định về phân cấp quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở

1. Thẩm quyền quản lý trường tiểu học và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiểu học quy định tại Điều 6 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền quản lý trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 6 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền quản lý trường phổ thông dân tộc bán trú quy định tại Điều 7 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Thẩm quyền quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 10. Tổ chức thực hiện quy định về dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

1. Thẩm quyền thực hiện quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1 Điều 11; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 3 Điều 12; bỏ cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 6 Điều 15, Điều 19; bãi bỏ khoản 1 Điều 13, Điều 14 tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

Điều 11. Tổ chức thực hiện quy định về thành lập, công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và trách nhiệm quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục

1. Thẩm quyền thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thẩm quyền công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Thẩm quyền công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã"; cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

Thẩm quyền xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một quy định tại khoản 3 Điều 20, Điều 22 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 13. Tổ chức thực hiện quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông

1. Thay thế cụm từ "thẩm định hồ sơ" bằng cụm từ "rà soát hồ sơ" tại Điều 8, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT). Thẩm quyền rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền quy định tại Điều 15 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 14. Tổ chức thực hiện quy định về quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở

1. Thẩm quyền xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại Điều 12 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, quyết định công nhận tốt nghiệp, công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 8, khoản 2, khoản 7 Điều 14 Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 15. Tổ chức thực hiện quy định về quản lý tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật

1. Thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc tổ chức dạy học và giáo dục học sinh khuyết tật (đối với cả loại hình công lập và tư thục); bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng, hợp đồng giáo viên, viên chức đối với vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng, đầu tư cơ sở vật chất (đối với loại hình công lập) của: Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt cấp trung học phổ thông hoặc có Lớp giáo dục chuyên biệt học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông quy định tại Điều 28 và Điều 29 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc tổ chức dạy học và giáo dục học sinh khuyết tật (đối với cả loại hình công lập và tư thục); bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng, hợp đồng giáo viên, viên chức đối với vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng, đầu tư cơ sở vật chất (đối với loại hình công lập) của Trường có Lớp giáo dục chuyên biệt còn lại quy định tại Điều 28 và Điều 29 Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 16. Tổ chức thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm

1. Thẩm quyền quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lí hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lí vi phạm; thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm (sau đây gọi là Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân các cấp" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã", cụm từ "các cơ quan quản lí giáo dục" bằng cụm từ "cơ quan quản lí giáo dục" tại điểm a khoản 2 Điều 8; từ "huyện" bằng từ "xã"; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu" tại tiêu đề và mục ghi chú số 4 của Mẫu số 03 tại Phụ lục; bỏ cụm từ "Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 3 Điều 10; bỏ dòng "...., ngày... tháng ... năm ..." tại tiêu đề của Mẫu số 03 tại Phụ lục; bãi bỏ Điều 11, Điều 12 tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

Điều 17. Tổ chức thực hiện quy định về thành lập Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở, phê duyệt danh sách trúng tuyển (trừ các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu) quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 1, khoản 3 Điều 7 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền chỉ đạo, quản lý công tác tuyển sinh trung học cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi tên khoản 2 và điểm a khoản 2 Điều 23:

"2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt kế hoạch, ngân sách giáo dục hoà nhập và đưa vào kế hoạch phát triển giáo dục chung của địa phương;";

b) Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e vào khoản 2 Điều 23 như sau:

"d) Phân công cán bộ phụ trách về công tác giáo dục hoà nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hoà nhập đối với các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý.

đ) Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hoà nhập; hợp đồng lao động với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập.

e) Báo cáo định kỳ công tác giáo dục hoà nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo yêu cầu của sở giáo dục và đào tạo.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

"3. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chính về công tác giáo dục hoà nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hoà nhập đối với các xã và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.";

d) Bãi bỏ Điều 25.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Chính sách học phí

Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành.";

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau:

"- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.";

c) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau:

"- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.";

d) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau:

"- Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã quản lý gửi về ủy ban nhân dân cấp xã.";

đ) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ ba, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau:

"- Đối với người khuyết tật có nơi thường trú trên địa bàn cấp xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi cả nước gửi về ủy ban nhân dân xã.";

e) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ năm, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau:

"- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.";

g) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ sáu, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau:

"- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.";

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 như sau:

"2. Cơ sở giáo dục công lập nơi có người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; cơ sở giáo dục ngoài công lập nơi người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo về ủy ban nhân dân cấp xã, sở giáo dục và đào tạo chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học để dừng cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập.";

i) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục – Đơn đề nghị như sau:

- Thay cụm từ "Hộ khẩu thường trú" bằng cụm từ "Nơi thường trú";

- Bỏ cụm từ "Huyện (Quận)".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

"c) Học bạ số là Học bạ được thực hiện trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

"b) Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.";

c) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã" tại khoản 3 Điều 12, Điều 14; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 14,

Điều 15; cụm từ "Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 3 Điều 12.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái: Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

"3. Tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của cấp xã; tham mưu chính quyền cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.";

c) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã"; cụm từ "Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở: Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

"3. Nhà trường tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của cấp xã; tham mưu chính quyền cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

"4. Học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.";

d) Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã"; cụm từ "Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại điểm d khoản 1 Điều 10;

đ) Bỏ cụm từ "ở cấp học đó" tại điểm a khoản 3 Điều 11; cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện"; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện"; cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT như sau:

"3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) + tên đơn vị hành chính.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Đối với trường PTDTBT có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường.

c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi Điều 5 như sau:

"Điều 5. Tên trường, biển tên trường

1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau:

Trường PTDTNT trung học cơ sở/trường PTDTNT trung học phổ thông/trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường.

3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái:

- Đối với trường PTDTNT trung học cơ sở: Ủy ban nhân dân xã/ phường và tên đơn vị hành chính.

- Đối với trường PTDTNT có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;

Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

"2. Hồ sơ dự tuyển

a) Tuyển sinh trung học cơ sở

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;

- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Tuyển sinh trung học phổ thông

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước, địa chỉ thường trú;

- Học bạ cấp trung học cơ sở;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

"2. Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

a) Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

b) Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao, cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; đạt giải cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.";

d) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 12 như sau:

"a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với trường PTDTNT có cấp học cao nhất là trung học phổ thông và Ủy ban nhân dân cấp xã có trường PTDTNT trung học cơ sở đặt trên địa bàn xã.".

8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 22 thành "Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã";

b) Sửa đổi số thứ tự khoản 4 Điều 22 như sau:

"2. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

"3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyền hạn của hiệu trưởng các trường tiểu học; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.";

d) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã" tại khoản 3 Điều 20; cụm từ "Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Hướng dẫn các trường Tiểu học có học sinh là người dân tộc thiểu số" tại khoản 2 Điều 21; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp" bằng cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 1 Điều 22; cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã" tại Điều 26;

đ) Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 22.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

"5. Cơ sở giáo dục lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông). Hồ sơ gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;

b) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.";

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Rà soát hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn sách giáo khoa

1. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều này; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

"1. Trong quá trình sử dụng, căn cứ các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có), cơ sở giáo dục báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa.";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

"b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý lựa chọn sách giáo khoa và sử dụng sách giáo khoa theo quy định.";

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13 như sau:

"d) Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa lựa chọn của các cơ sở giáo dục phổ thông; tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.";

e) Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; tổng hợp,

báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thông báo danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đến giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa theo quy định.

3. Đề xuất dự toán với cấp có thẩm quyền để bố trí nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý về việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.";

g) Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 4, khoản 5 Điều 16 như sau:

"4. Tổng hợp các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở) trước khi tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Công khai, minh bạch các thông tin lựa chọn sách giáo khoa và giải trình trước dư luận về quyết định lựa chọn sách giáo khoa.";

h) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã"; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương" bằng "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh";

i) Bỏ cụm từ "thanh tra" tại điểm b khoản 1 Điều 13;

k) Bãi bỏ khoản 4 Điều 13, Điều 14.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

"1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

"Hội đồng gửi biên bản và danh sách được đề nghị công nhận tốt nghiệp cho hiệu trưởng phê duyệt.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

"Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

"2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục tổ chức xét công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp trung học cơ sở.";

đ) Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

2. Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lí bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định.

3. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp hằng năm.";

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

"2. Ra Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở";

e) Sửa đổi khoản 7 Điều 14 như sau:

"Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.";

g) Thay thế cụm từ "Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi cơ sở giáo dục trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt" bằng cụm từ "Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi hiệu trưởng phê duyệt" tại điểm b khoản 2 Điều 7;

h) Bãi bỏ Điều 13.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT như sau:

a) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 như sau:

"c) Nội dung hoạt động, học tập của học sinh khuyết tật được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung được quy định tại chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với khả năng, nhu cầu cá nhân;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

"Đối với Lớp giáo dục chuyên biệt của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: chương trình và kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung chương trình giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với khả năng, nhu cầu của cá nhân học sinh khuyết tật;";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

"1. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.";

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

"4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các chính sách bảo trợ xã hội, hỗ trợ về y tế và phục hồi chức năng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đối với học sinh khuyết tật của các Trường giáo dục chuyên biệt, Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.";

e) Sửa đổi tên Điều 28 như sau:

"Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã"

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

"1. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của trường có Lớp giáo dục chuyên biệt theo thẩm quyền.";

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

"2. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường có Lớp giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền để phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục đối với học sinh khuyết tật.";

i) Bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

"3. Quản lý, chỉ đạo hoạt động theo thẩm quyền đối với trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn."

k) Bãi bỏ Điều 29.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Trung học cơ sở.

3. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

4. Xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

5. Chỉ đạo công tác kiểm tra việc tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

6. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.";

b) Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

"3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.";

c) Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã";

d) Bỏ cụm từ "thanh tra" tại khoản 4 Điều 17, khoản 5 Điều 18;

đ) Bãi bỏ Điều 20.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

"b) Kiểm tra thực tế tại ít nhất 20% đơn vị cấp xã, mỗi đơn vị cấp xã ít nhất 02 hộ gia đình.";

b) Thay thế cụm từ "thị trấn" bằng cụm từ "đặc khu" tại khoản 2 Điều 1; từ "huyện" bằng từ "xã" tại điểm a khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 10; cụm từ "Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục thường xuyên" bằng cụm từ "Vụ Giáo dục Phổ thông, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên" tại Điều 11, Điều 13;

c) Bỏ cụm từ "các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện):" tại khoản 2 Điều 1; cụm từ "mỗi huyện" và cụm từ "lãnh đạo huyện" tại khoản 2 Điều 10; cụm từ "đơn vị cấp huyện" tại điểm b mục 3 và cụm từ "Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, mức độ, tỉ lệ" tại điểm a mục 4 phần I Phụ lục.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

"3. Ủy ban nhân cấp xã chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn; Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục; Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục hòa nhập tại địa phương; Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định về giáo dục hòa nhập tại địa phương; Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.";

b) Thay thế cụm từ "ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh" bằng cụm từ "ủy ban nhân dân cấp xã";

c) Bỏ cụm từ "phòng giáo dục và đào tạo" tại khoản 5 và khoản 6 Điều 17;

d) Bãi bỏ khoản 2 Điều 16, Điều 18.

15. Bãi bỏ Điều 3 tại Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

16. Thay thế cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư 50/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

"4. Bồi dưỡng, tư vấn cho người khuyết tật và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu về tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

"2. Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 như sau:

"4. Đầu mỗi năm học, sở giáo dục và đào tạo yêu cầu các Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục trực thuộc, các cơ sở trợ giúp xã hội báo cáo hoặc tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập gửi về Trung tâm để Trung tâm có căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập.";

đ) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 34 như sau:

"Điều 34. Trách nhiệm của các Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Trung tâm được giao phụ trách";

e) Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã"; cụm từ "pháp lệnh" bằng cụm từ "pháp luật" tại điểm a khoản 1 Điều 28;

g) Bãi bỏ khoản 2 Điều 34.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. Trong trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GDĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
  Cổng TTĐT Bộ GDĐT; các đơn vị thuộc Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với

giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục.

2. Bảo đảm phân quyền, phân cấp, phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

3. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực giáo dục mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để bổ sung thông tin vào hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu mà thông tin đã được khai thác trong các cơ sở dữ liệu; trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 5. Thẩm quyền quản lý trung tâm học tập cộng đồng

1. Thẩm quyền chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của trung tâm học tập cộng đồng quy định tại Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Thẩm quyền xem xét quyết định việc bố trí giáo viên trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở làm việc tại trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 3 Điều 11; quyết định Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng "cấp xã"; "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT.

Điều 6. Chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác

1. Thẩm quyền tổ chức thực hiện chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC) do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh, sinh viên đăng ký thường trú thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội", "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

3. Điều chỉnh thời hạn thẩm định hồ sơ và trình tự cấp chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên tham gia khóa học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC như sau:

a) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, căn cứ quy định tại Điều 1 Điều 2, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này tổ chức đối chiếu, thẩm định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách đối tượng được hưởng chính sách. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo cho người học được biết trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ;

b) Trình tự cấp chính sách nội trú: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính sách nội trú.

Điều 7. Quản lý, chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập

1. Thẩm quyền trực tiếp quản lý, chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện (sau đây gọi là Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTBXH) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng "cấp xã" tại Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTBXH.

Điều 8. Thẩm quyền đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã

1. Thẩm quyền đánh giá, công nhận xã đạt "Cộng đồng học tập" cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận "cộng đồng học tập" cấp xã, huyện, tỉnh (sau đây gọi là Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT) do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "xã, phường, thị trấn" bằng cụm từ "xã, phường, đặc khu"; cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã"; cụm từ "cấp xã, huyện, tỉnh" bằng cụm từ "cấp xã, tỉnh" tại Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT.

3. Thay thế cụm từ "Có ít nhất 90% số huyện được công nhận đạt "Cộng đồng học tập" cấp huyện mức độ 1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này" bằng cụm từ "Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt "Cộng đồng học tập" cấp xã mức độ 1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này" tại điểm a khoản 4 Điều 16; cụm từ "Có ít nhất 90% số huyện được công nhận đạt "Cộng đồng học tập" cấp huyện mức độ 2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này" bằng cụm từ "Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt "Cộng đồng học tập" cấp xã mức độ 2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư này" tại điểm a khoản 4 Điều 17 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT.

Điều 9. Thay thế một số từ, cụm từ trong một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên

1. Thay thế các cụm từ: "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội" và "Sở Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Sở Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 14 Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Thay thế cụm từ "Khối quận, huyện" bằng cụm từ "Khối xã, phường" tại mục 2 Biểu 02; cụm từ "Huyện A", "Huyện B" bằng cụm từ "Xã A", "Xã B" tại tiểu mục 2,1 và 2,2 mục 2 Biểu 02 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

3. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 14, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá học viên học Chương trình Xóa mù chữ.

4. Thay thế cụm từ "xã, phường, thị trấn" bằng cụm từ "xã, phường, đặc khu"; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại Thông tư Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, GDNN-GDTX, Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được quy định trong

các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục.

2. Bảo đảm phân quyền, phân cấp, phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

3. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực giáo dục mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để bổ sung thông tin vào hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu mà thông tin đã được khai thác trong các cơ sở dữ liệu; trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 5. Tổ chức thực hiện quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Thẩm quyền đánh giá hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11; lựa chọn và phê duyệt danh sách cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT.

Điều 6. Tổ chức thực hiện quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

1. Thẩm quyền lựa chọn, phê duyệt giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT.

Điều 7. Tổ chức thực hiện quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non

1. Thẩm quyền đánh giá hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11; lựa chọn và phê duyệt danh sách cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non cốt cán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT.

Điều 8. Tổ chức thực hiện quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

1. Thẩm quyền lựa chọn giáo viên mầm non cốt cán quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 12 Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT) do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT.

Điều 9. Thẩm quyền tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi

1. Thẩm quyền tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT.

Điều 10. Thẩm quyền tổ chức Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi

1. Thẩm quyền tổ chức Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi quy định tại Điều 8 Điều lệ hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT và Mẫu 1a ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT; thay thế cụm từ "UBND Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố... Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" và cụm từ "Trưởng phòng" bằng cụm từ "Chủ tịch" tại Mẫu 1a ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT.

Điều 11. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều trong một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Thay thế các cụm từ: "Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Phòng Giáo dục và

Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên như sau:

a) Bỏ cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT;

b) Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 8, Điều 16.

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo như sau:

a) Thay thế các cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo" tại Điều 5 và "Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại Điều 6 bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "các phòng ban liên quan" bằng cụm từ "đơn vị chuyên môn" tại điểm c khoản 4 Điều 6;

b) Bỏ các cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo" và "Phòng Nội vụ" tại khoản 3, khoản 4 Điều 6;

c) Bãi bỏ khoản 1 Điều 5.

4. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Thay thế cụm từ "giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên" bằng cụm từ "giáo viên dạy giỏi từ cấp xã trở lên" tại Bản mô tả vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng I; cụm từ "giấy khen từ cấp huyện trở lên" bằng cụm từ "giấy khen từ

cấp xã trở lên" tại Bản mô tả vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng II và thay thế các cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo", "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương", "Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại các Bản mô tả vị trí việc làm trong Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 ngày 10 tháng 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

6. Thay thế cụm từ "giấy khen từ cấp huyện trở lên" bằng cụm từ "giấy khen từ cấp xã trở lên" và các cụm từ: "Phòng giáo dục và đào tạo", "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương", "Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại các Bản mô tả vị trí việc làm trong Phụ lục III kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

7. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh.

8. Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1 Điều 14; cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 5 Điều 15 Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, NGCBQLGD, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh giáo dục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục.

2. Bảo đảm phân quyền, phân cấp, phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực giáo dục mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Về phí, lệ phí

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để bổ sung thông tin vào hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu mà thông tin đã được khai thác trong các cơ sở dữ liệu; trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.

Chương II
PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Điều 5. Quản lý văn bằng, chứng chỉ

1. Thẩm quyền quản lý việc sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ và chịu trách nhiệm về việc cấp văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT.

3. Đối với văn bằng, chứng chỉ do Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì việc cấp lại; cấp bản sao từ sổ gốc; chỉnh sửa nội dung ghi trên văn bằng, chứng chỉ; thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

4. Điều chỉnh thời hạn thực hiện thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc và chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT như sau:

a) Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu cấp bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bằng, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan tiếp nhận yêu cầu cấp bản sao không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 01 (một) ngày làm việc hoặc dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ xem xét quyết định việc chỉnh sửa; nếu không chỉnh sửa thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học

1. Thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường tiểu học quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số

22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học quy định tại Điều 42 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT.

4. Bỏ cụm từ "hoặc trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo", "hoặc lãnh đạo, chuyên viên phòng giáo dục và đào tạo", "phòng giáo dục và đào tạo" tại Điều 29; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại Điều 42 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT.

5. Điều chỉnh thời hạn thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài trường tiểu học, cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và cấp Bằng công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT như sau:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm: Thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 28 của Quy định này trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trường tiểu học hồ sơ đã được chấp nhận để đánh giá ngoài;

b) Cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo cấp độ trường tiểu học đạt được;

c) Cấp Bằng công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường tiểu học.

Điều 7. Tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở

1. Thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (sau đây gọi là trường trung học) quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT

ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học quy định tại Điều 42 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

4. Bỏ cụm từ "hoặc trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo", "hoặc lãnh đạo, chuyên viên phòng giáo dục và đào tạo", "phòng giáo dục và đào tạo" tại Điều 29; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại Điều 42 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

5. Điều chỉnh thời hạn thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài trường trung học, cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và cấp Bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT như sau:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm: Thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 28 của Quy định này trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trường trung học hồ sơ đã được chấp nhận để đánh giá ngoài;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo cấp độ trường trung học đạt được;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường trung học.

Điều 8. Tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

1. Thẩm quyền tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường mầm non quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non quy định tại Điều 42 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

4. Bỏ cụm từ "hoặc trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo", "hoặc lãnh đạo, chuyên viên phòng giáo dục và đào tạo", "phòng giáo dục và đào tạo" tại Điều 29; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện", "Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại Điều 42 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

5. Điều chỉnh thời hạn thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài trường mầm non, cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và cấp Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT như sau:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm: Thực hiện việc thành lập đoàn đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và triển khai các bước trong quy trình đánh giá ngoài theo quy định tại Điều 28 của Quy định này trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trường mầm non hồ sơ đã được chấp nhận để đánh giá ngoài;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo cấp độ trường mầm non đạt được;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường mầm non.

Điều 9. Tổ chức thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

1. Thẩm quyền thống kê, tổng hợp kết quả đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với các nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi là Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 3 Điều 12; cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 13, Điều 15 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT.

3. Bỏ cụm từ "và các nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT.

Điều 10. Tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên

1. Thẩm quyền chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "các Phòng Giáo dục" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1 Điều 17 Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT.

Điều 11. Tổ chức thực hiện quy định về chữ thập đỏ trong trường học

1. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về chữ thập đỏ trong trường học quy định tại Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động chữ thập đỏ trong trường học (sau đây gọi là Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "các Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quy định về sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử

1. Thẩm quyền hướng dẫn, triển khai tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử; đưa nội dung xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành hệ thống thư điện tử, cổng thông tin điện tử vào kế hoạch công tác hằng năm; báo cáo kết quả triển khai tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử quy định tại Điều 14 Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (sau đây gọi là Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp hạng hoạt động hệ thống thư điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục trực thuộc; công khai kết quả trên cổng thông tin điện tử quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1, 2 Điều 1, khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 1, 3 Điều 13, khoản 4 Điều 16; cụm từ "Trưởng phòng các Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 18 Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT.

Điều 13. Tổ chức thực hiện quy định về phòng học bộ môn

1. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về phòng học bộ môn quy định

tại Điều 19 Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 2 Điều 18 và khoản 3 Điều 20 bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã"; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 3 Điều 19; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện lập" bằng cụm từ "Tổ chức lập, quyết định theo thẩm quyền" tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT.

Điều 14. Tổ chức thực hiện quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông

1. Thẩm quyền đánh giá và công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học cơ sở) quy định tại điểm b khoản 4 Điều 25 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Thay thế các cụm từ: "cấp huyện", "cấp xã, huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Điều 4; cụm từ "Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện đầu tư" bằng cụm từ "Tổ chức lập, quyết định theo thẩm quyền dự án đầu tư" tại điểm a khoản 2 Điều 26; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại điểm c khoản 2 Điều 26; cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 25, Điều 26 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT.

Điều 15. Tổ chức thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

1. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo duc thuộc hệ thống giáo dục quốc dân quy định tại Điều 11 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi là Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1, 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 14; từ "huyện" bằng từ "xã" tại khoản 1 Điều 9; cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" bằng cụm từ "Sở Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

Điều 16. Tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Thẩm quyền chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các trường tiểu học và trường

trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 10, Điều 11 Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT.

Điều 17. Tổ chức thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo

1. Thẩm quyền hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai báo cáo và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thay thế cụm từ: "Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc phòng có chức năng tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Phòng Giáo dục và Đào tạo)" tại khoản 2 Điều 1 và cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" tại khoản 4, 5 Điều 9, khoản 1, 3 Điều 10, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã".

Điều 18. Thay thế một số từ, cụm từ trong một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 1, Điều 12 Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục; tại Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông; tại Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác xã hội trong trường học; tại Điều 12 Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; tại Điều 10 Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

2. Thay thế cụm từ "cấp huyện" tại khoản 2 Điều 4 và điểm c khoản 2 Điều 6 bằng cụm từ "cấp xã"; từ "huyện" bằng từ "tỉnh" tại điểm a khoản 2 Điều 6; thay thế các cụm từ: "cấp huyện", "quận/huyện", "huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

3. Thay thế cụm từ "Cấp quận, huyện, thành phố (trực thuộc tỉnh)" bằng cụm từ "cấp xã" tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 48/2020/BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường.

4. Thay thế cụm từ "cấp huyện" bằng cụm từ "cấp xã" tại mục 3.2 trong các Bản mô tả vị trí việc làm Phụ lục IIA, IIB, IIC Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục.

5. Thay thế cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Điều 12 Quy định về công tác phòng, chống tệ nạn ma tuý tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và tại điểm a mục 2210 (về tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở) khoản 2.2 Phụ lục II Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

6. Thay thế cụm từ "Phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại Phụ lục II; cụm từ "Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo" bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1 Phần III Biểu 03. CN-THCS và khoản 1 Phần II Biểu 05. CN-GDTX Phụ lục II Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua

hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc